

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẶNG KINH
TẬP 166

TRUNG THIÊN TRÚC XÁ
VỆ QUỐC KỲ HOÀN TỰ
ĐỒ KINH

SỐ 1899

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LỜI TỰA KỶ-HOÀN ĐỒ KINH

Nghe rằng: Bắt đầu cho thương sinh kính phước, nên tặng của qui chân là xây dựng chi-đề, kính ngưỡng tháp tượng thật là công nghiệp của vua. Còn như Cấp-cô-độc lột vàng ở vườn Kỳ-đà, vua Ưu-điền chạm tượng Mâu-ni bằng gỗ chiên-đàn và xây dựng hai tháp thờ móng và răng, hai đài thờ y và ảnh, đều vào lúc Phật còn sống đã thấy thành nếp cũ. Và lại chân thân vô hình nhân cảm, cho nên bày cảm đã có sai trì, hình ứng cũng có khác. Nếu đường tâm cách dứt thì chân nghi không ứng. Chí thành, tinh thành thì biến động cả trời đất.

Xưa bình Trọng Ưu đại hãn, tự đốt lửa lên mà mưa đến, kỷ phụ khóc thầy của lương thực mà muôn thành đều đổ sụp. Do đó mà thấy thì thân y vật cảm, đâu phải đối trá. Thích giáo trời đông dần theo phong hóa, hình tượng tháp miếu đều tranh bày. Đến khi vận đời tượng mặt giáo pháp suy vi, tình người mỏng nổi chế tạo không khuôn phép, khinh mạn do đó mà sinh, kính lễ cho đó mà bỏ.

Nếu có người giác ngộ bảo rằng: Nam sơn giáo chủ Đại sư Trừng Chiếu, liền thấy chấn đáng ứng triệu luật chủ. Trời đất đồng đức lớn, mặt trời mặt trăng cùng chiếu sáng, huyền quan u kiện cảm mà đều thông, nguồn xa sóng gợn sóng mà chẳng cạn. Rỗng quý qui ngưỡng, trời người kính lạ. Tổ ta đức tốt đâu thể xưng kể, mà Ngài thương khắp, chẳng bỏ chúng sinh sợ đời sau xây dựng tháp miếu, nếu chẳng có biểu chương nên y cứ vào linh cảm mà chế ra kinh Kỳ-hoàn, hai quyển, bậc thúc thế hoài đạo chẳng ra khỏi ngọc quan, vượt thương Thánh đích chẳng phải kinh này có ích hay sao? Theo lịch Đại Tống, tuy luật phong bỗng hưng mà kinh này đã mất, luật sư đại trí của ta gặp gỡ ở Tây Vực

đem đến, xứ này đất Hán lại có sách này. Ở nước ta, tôi có gặp quyển này, sửa chữa các mất mát và chỗ dịch lầm. Mỗi khi giở ra xem đều bùi ngùi than thở. Khoảng mấy năm dờ về gặp luật viện Đại thừa ở Thạch Thanh thủy thần cung tự Bí-xô thật trường bảo tôi rằng: Trong kinh phòng có bản cũ Kỳ-hoàn đồ kinh toàn vẹn. Nhà sách ở Kinh Triệu chưa có kinh này. Liền khiến người khắc bản in khắp xa gần. Xin tôi đặt một lời đầu quyển, tôi thưa rằng: Than ôi! Lời quê mùa đâu giúp được sách Thánh.

Trường bảo: Châu quý gặp chớng kiếm, ngựa tốt gầy ở chợ, không nhân mà đến. Than ôi, thật là nhún nhường lắm thay. Tôi cảm lời nói ấy nên chẳng được cố từ, bèn viết lên mấy hàng.

Niên hiệu Thiên hòa năm đầu, năm Tân dậu, ngày mừng một tháng chạp. Cửu tu viên luật viện Tỳ-kheo Tông giác kính ghi.

LỜI TỰA
TRUNG THIÊN TRÚC XÁ VỆ QUỐC KỲ-
HOÀN TỰ ĐỒ KINH

*Đời Đường, niên hiệu Càn Phong năm thứ hai, cuối mùa xuân.
 Thích Thị Cẩm Linh ở soạn núi Chung Nam.*

Nền tảng của chùa tháp có nguồn gốc rất xa, từ khi kiếp Hiền sáng lập thì chư Phật được thành, dẫn bốn loài sinh để khai ra ba Thánh, dẫn năm thừa để hội về Nhất cực, đều lấy gốc là cách tục và xuất hữu, lý chung là cùng cực nhập không, cho nên khiến quyền đồ chẳng định mà nghĩa thật ở đây hiển, gỗ đá đất cát chung quanh dài ngắn, viện phường lớn nhỏ, địa vị tăng và Phật khác nhau, dù cho ở đây khác, phàm Thánh tánh bất đồng, lễ cúng chia đều, cửa động khai mở, là cái vui của hai mươi mốt. Rừng ao ánh chiếu nhau, dẫn đường kang ba mươi hai. Biểu xưng đã rõ, sự tôn quý cũng rõ, cho nên thanh tín mười phương theo dấu nhóm họp. Chín cõi linh kỳ, đầu thành lộ kiết. Còn về sáu sư đạo khác bị phủ che để bóng mát oai linh, bốn tục có mạng sống được con đường chân giáo, ở đây là hành sự của cổ Phật, hang kiến vẫn còn, bố thí không cùng cho đến bậc Thánh. Đồng tập như thế thì cứ thế gian không dứt, lảng cốc giúp nhau thì việc ở đây được phục hồi, cho nên tiếp nối sự phi thường. Nay thì gò nông lớn, đồng khen mãi ất lia. Nếu còn sót lại mông muội, đoái hoài sương lạnh thêm thê lương; tự bảo ẩn trốn hai sông, trở về song thọ chân chánh. Pháp truyền đến Chấn Đáng mới nghe dấu vết quý báu mà đồng với pháp dừng pháp thanh. Đạo Thúy, Đạo Sinh làm bạn phấn phát tinh thần, kháng khái chưa nghe, nhìn chết như sống theo dấu khuôn phép cao xa đã đến được nền đất cũ, chỉ thấy bụi còn sót lại. Nhã tướng tuy nhiều nhưng cuối cùng truyền đến dấu vết. Chớ như mặt thấy mà dụng mở ưu tâm, chỉ lấy duyên xương, chưa dứt oai linh thần, có trời người theo và nghe khác nhau. Nghĩa bèn nêu, dám dùng những điều trình bày, dùng gương trần gian để chiếu bày đồ hình mà truyền bá. Từ khi bậc Đại Thánh nhập diệt đến nay đã một ngàn sáu trăm năm. Kỳ Viên hưng phối trải qua hai mươi lần, việc thêm bớt, đủ thiếu nêu ra đương cơ, nên khiến cho đồ truyện phân vân trong việc đoán định. Trong đó, bậc cao thì ba lần dứt bật, còn bao nhiêu thì cấu kết không đáng xưng nói. Đầu đời Tùy, Pháp sư Linh Dụ ở quận Ngụy danh hạnh đều sáng rõ, phong cách cao xa, soạn thuật thơ văn có dẫn tinh xá Kỳ-hoàn. Nhưng vì đời người vắng lặng, kinh sách ít đầy đủ, pháp luật thông hiểu, duyên theo lời tỏ chưa bằng. Cho nên vàng vải

để lại trên cây, lâu gác tầng môn bảy ngày mà vượt cao ngàn mẫu, các tiếng chuông khánh vang khắp trăm viện, lời này như thế, việc có nói rõ trong kinh, đều là duyên thống nhiếp căn cơ, trời người giúp thành việc, nghĩa thông cảm, rộng quở khen ngợi thần công. Xưa, nghe vua A-dục xây tháp, cùng lúc mà xây được tám vạn ngôi, bậc Đại sĩ giáo hóa chúng sinh, đại thất nạp vào lưỡng nghi, đâu chỉ có mưu người là do Liên Huyền Thừa sáng lập. Nay thì đều từ đây truyền, sinh ở ngày đầu, tức là một trong tám vị Đại tướng của thiên vương ở phía Nam. Thấy thỉ và chung chỉ hơn ba mươi, mừng một, đích thân được gửi gắm, chỉ mở mang ở trong lòng, lòng từ cứu giúp không nhờ đâu mà đích thân nghe, truyền đồ kinh này cho đời sau, nếu có người thấy thì biết chỗ về, bèn ghi chép nguyên nhân không mê muội đầu mối tông phong. Tôi là tự chủ chùa Kỳ-hoàn, ở đó hai mươi lăm năm, một thời gian hoá tích bảy chỗ tám hội, hình nghiệp rộng lớn không từ vườn này. Pháp huyền tịch năm bộ bốn A-hàm phần nhiều là từ chùa này, do đây sưu tập các thiên, là việc đặc biệt lưu thông bài tựa. Nhưng vì xê xích khác nhau chưa được rõ ràng. Chợt giác ngộ, cảm được u linh này. Nhiều năm đắm chìm bỗng nhiên viết được, nhưng thâm ẩn thâm hiển, nghe đủ trước dứt bài ghi báu về thần. Bài U Minh của Lưu Khánh, sách chí quái của Tổ Thiên Thai, bài ghi chép minh tướng của Vương Diễm. Thường thường rộng mở, chẳng như chỉ trong lòng bàn tay. Bậc lưu tục hoặc sinh quả luận, thần chưa đạt thông phương, đề xướng sự truyền bá này thì không đáng nghe. Lại có tác phẩm tinh khác thuật khác, sách minh báo hiển báo. Lời tựa phiên nhiếp, ánh sáng khắp xưa nay, tôi liền trình bày các sự việc, ghi chép của Thiên vương Văn Tuyên, cũng đồng với tác phẩm an trí tượng Phật đá. Thức ngủ tuy khác nhưng không đáng hoài nghi, chỉ tiếc vì tám mươi giai vị, tháng năm đốn dứt, tận mặt tay trao. Lời giáo hối và đến tu sơ mười không còn một. Tụ lạc đồ truyện khởi nghĩ chưa nghe. Xin các vị đồng tha thứ lời than thở.

KỠ THỌ CẤP VIÊN ĐỒ

Kinh luật nói nền tảng chùa Đại Minh có tám mươi khoảng đất, hai trăm hai mươi viên chuẩn đích. Chiều Đông tây có gần mười dặm, chiều Nam bắc hơn bảy trăm bộ. Như gần đây có truyền rằng xưa Phật tại thế, Tu-đạt kỳ viên cùng tạo lập trong kinh có vết tích như trước đã nghe trải qua hai trăm năm. Lúc đó, đất này là chu cơ thứ mười ba, chủ Bình Vương được ba mươi mốt năm bị đốt hết là vì sao? Thái tử Kỳ-đà rất mến khu vườn này. Tu-đạt ép mua chẳng sợ tốn vàng. Thái tử thương tiếc miếng vườn ân cần khuyên nhủ, nhưng Tu-đạt vẫn kiên quyết chẳng dời đổi. Thái tử thấy ông không tiếc vàng thì ý muốn cúng dường bảo Trưởng giả rằng: Ta tự tạo chùa chẳng nhờ vả khanh, Tu-đạt không chịu, thái tử lập nguyện cây và vàng chẳng thể cúng dường, sau nếu hoang phế thì nguyện cây vẫn còn sống. Cho đến bị thiêu đốt nhà cửa đều cháy hết mà cây vẫn còn như xưa.

Ngày xưa còn là phạm phu Tu-đạt bán thịt được tiền vẫn sống nghèo hèn, khi được giàu sang thường nguyện tiết kiệm, tuy được giàu sang tiền của do uestâm lấy đây mà xây chùa cuối cùng đều cháy hết. Thái tử do năng lực tịnh tâm nên cây còn sống, nghiệp hạnh tuy thiếu không thể nghĩ bàn sau đó bốn trăm năm có Dục ca vương y đất đó mà xây chùa tháp nhưng mười phần không bằng một. Trải qua ngàn năm sau bị giặc đốt hết. Mười ba năm sau có vua lục sư ca y theo trước mà lập lại chùa tháp rất đẹp, đều dùng các chất báu mà trang nghiêm. Một trăm năm sau thì vua ác phá hoại làm nơi giết người.

Tứ Thiên vương và long vương Ta-kiệt-la nổi giận dùng đá lớn đè chết vua. Chín mươi năm hoang vu không người vật. Thiên vương Dao-lợi khiến con thứ hai xuống làm người, y đất đó mà tạo ra trang sức đẹp đẽ. Phật diệt độ một trăm năm mười năm thì Thiên vương đốt cháy hết. Lúc đó, đất này nhằm cuối thời Hán, vua Hiến đế năm thứ hai mươi chín, lấy việc xưa mà trưng hiển tông mình, sau đời hòa an hoàn linh, người tới lui Tây vực nối gót nhau, thì thấy Thiên vương sửa sang làm duyên, cây của thái tử Kỳ-đà xanh tươi, sau tuy có người thoát có đến ngày nay, hoang vắng mà thôi.

Tên chùa là Kỳ-thọ Cấp Cô Độc viên, chùa có mười tên gọi:

1. Tự (chùa).
2. Tịnh trụ xá.
3. Pháp đồng xá.
4. Xuất thế xá.

5. Tịnh xá.
6. Thanh tịnh viên.
7. Kim cương tịnh sát.
8. Tịch diệt đạo tràng.
9. Viễn Ly xứ.
10. Thân cận xứ.

Mười tên gọi này y theo các kinh mà giải thích tướng, đều có chỗ đến, như trong cáo kia, nay y vào các kinh nói mới tạo vườn này, đất ấy chiếu Nam bắc chu vi hơn tám mươi khoảnh, đông tây nằm dài theo phía Nam thành Xá-vệ khoảng năm, sáu dặm, đại viện có hai:

Ở Tây vức đại viện chỗ ở của tăng Phật gọi là Đạo tràng hoặc Kim cương tràng, nền có cao hơn đất có nhiều bậc, bốn mặt hang khám đều có tượng thần quái giữ gìn tràng viện này. Tường lớn có ba lớp cao khoảng hai trượng, mái trang đi bộ cột kèo lớp lớp màu sắc rực rỡ, xét về chùa bảo rằng: Lớp viện mặt ngoài, tường ngoài biểu thị cho ba qui y chỉ là tướng ngoại hộ, một lớp viện bên trong, tường trong là biểu thị cho nhân quả là tướng qui cảnh. Viện trong cao hơn viện ngoài năm thước, để nói lên nhân quả của tam bảo hơn năm đường. Ngoài ra còn có Phật pháp tăng bảo, viện đường phòng ốc nhiều ít, vẽ với tướng trạng bày loại khác nhau. Phạm vương, Thiên vương có tòa riêng, đã quý, ngọc quý có nhà khác. Đây đủ thức ăn cúng đãi thường vì tám vua và sáu tề, tài thí, pháp thí tùy lúc tiểu thực và đại thực đều có tộ cùng, rộng như văn ấy.

Chùa này đại viện chỉ mở ba cửa ở ba phương phương Bắc chẳng mở. Xét dụ sử Thánh tích ký thì chùa mở hai cửa Đông và Bắc. Quanh viện Kỳ-hoàn có mười tám chùa.

Lại xét tự cáo nói: chùa Kỳ-hoàn bốn cửa thông suốt, mười nhà giao qua cứ nay trên bản vẽ. Phương Bắc không có cửa, việc ấy rõ ràng. Vậy thì trước sau khởi tạo chế độ đều khác. Tùy thời thấy nghe liền nêu ra chẳng đáng nghi ngờ quái lạ. Đồ kinh này đầu tiên phải hàng dây vàng mà làm mặt Nam có ba cửa, cửa giữa rất to, có năm gian ba lớp lầu cao sừng sững, Thái tử Kỳ-đà tạo ra. Ba lớp này biểu thị cho ba cửa không, nói Phật pháp ba không. Làm gốc mới vào Phật lý, y theo đó làm sơ tông, cho nên lập ra ba lớp biểu thị cho ba không. Rãnh nước chảy ngoài cửa phải bắc cầu vượt qua có năm đường, trau chuốt đẹp để dị thượng không phải người có. Hai cửa Đông tây có ba lớp đồng như trên đều có ba gian, ngoài cửa bắc cầu ba đường mà vào, ngoài có rừng cây, thanh tịnh đi vòng quanh cho đến ba bên đều có cây hoa. Người thấy

liền phát tâm kính trọng mà vào cửa lớn. Đường hai bên viện, cửa ngõ đối với nước, cây cỏ giao nhau. Cửa Đông của đại viện mở ra đối với đường giữa, đông tây thấu suốt. Cửa này cao lớn ra ngoài các viện, trên dưới chồng chất mười hai lớp. Lầu các khắp đất mười bảy cửa, trang sức đẹp để lạ kỳ. Bốn phương đạo tục mới đến lễ bái chưa dám xoay mặt về hướng Bắc, phần nhiều phải đi qua cửa này rồi mới gặp gỡ.

Xét tự cáo nói: Cửa này hoành tráng biểu thị vẻ với tượng đại Phạm vương và tượng trời Đế-thích, bốn vị thiên vương, Nhân vương đại quý vương, thần long vương... Sở dĩ vẽ các hình tượng ấy là biểu thị đồng ảnh hưởng chung ngộ trụ trì Tam bảo.

Cửa Đông lớn, tự chia ra bảy viện. Bờ Nam của viện Tây thứ nhất gọi là Tha phương bạch y Bồ-tát viện. Viện mở cửa Bắc, bên trong có nhà lớn, hoặc gọi là nhà lớn, hoặc gọi là điện đường, hoa cây đầy đủ. Mỗi khi có người phương khác tục sĩ Bồ-tát tới lui hầu cận thì trước ở trong đây. Sau mới thấy Phật trong viện ấy có tòa sư tử pha lê, do Thiên vương Đâu-suất tự tay làm như hình nắm tay lớn. Đến lúc miệng phát Diệu Âm như chim mạng mạng, trong tiếng ấy nói tám muôn Ba-la-mật, các Bồ-tát nghe pháp đặng địa, mỗi khi đến mồng tám tháng chạp thì trong thành Xá-vệ, các sĩ nữ đều cầm hương hoa đến nghe pháp âm và các thứ chim mang mạng, chim cánh vàng, uyên ương, phụng hoàng đều đến. Người và các chim hoặc được Sơ quả, và vào pháp Đại thừa, nhân tịnh kể có một viện nhỏ ở bắc gọi là tha phương Bồ-tát viện. Cửa mở về hướng Nam trong có đường phòng vườn cây như trước. Trong đó có kiền chùy, là Tán Chỉ đại tướng quân tạo ra một con rồng bằng đồng trên vai có hoa sen đá, mặt trời mọc thì hoa nở, mặt trời lặn thì hoa khép.

Khi hoa nở thì các lá đều động cũng như gió thổi. Rồng liền phát ra tiếng, Duy-na nghe tiếng liền đánh kiền chùy. Phía Đông nam của tây viện có một viện gọi là viện Tỳ-kheo ni lai thỉnh giáo thọ, một cửa bắc mở ra đối với đường cửa đông, trong một cửa đông mở ra có nhà lớn và cây như trong Tây viện, mỗi tháng ngày có trăng hoặc không trăng có ni đến thỉnh dạy răn mà ở viện này. Có sát can cao đến ba trượng do vua A-tu-la tạo ra. Sát can đó có miệng, có phụng ngậm chuông đồng. Nếu khi ni đến thì chuông tự kêu. Chẳng đúng pháp thì chuông kêu tiếng xấu (rè). Nếu có tiếng chửi bới hoặc làm việc siêng năng thì chuông phát ra tiếng khen chê và nói các pháp như sáu độ v.v...

Kể ở ngõ Bắc có một viện gọi là viện giáo giới Tỳ-kheo ni. Trong có nhà lớn và cây, đối với hướng Nam mở ra. Một cửa đông ra như

tướng viện trước. Mỗi tháng hai lần nhận ni đến đến dạy răn. Trước ở Tây bắc có một viện lớn gọi là viện tha phương chư Phật, vì thông hóa cho nên khi đến đây, trong có ao rừng hoa cây đầy đủ, hai cửa đông tây mở ra đối đường lớn. Trời Đại phạm hóa làm mười hai cục đá vuông thanh tịnh sáng sạch, trên có phật ngồi giữa có trống trời ma-ni, lúc đến tự kêu, do long vương Hòa-tu-cát tạo ra, tiếng trống nghe rất xa, trong địa ngục nghe thì lia khổ mà sinh lên cõi trời, cũng có người chứng quả. Người Tiểu thừa nghe thì bước lên Đại thừa. Người mới phát tâm nghe thì lên Thất địa.

Viện Tha phương Phật, ngõ bắc lại chia làm hai viện: Một viện bên Tây gọi là viện Phật hương khố, cửa xoay về Tây mở ra đường lớn. Trong đó có thiên đồng coi giữ.

Kế viện phía đông gọi là viện Các Tiên. Cửa mở về Nam, (nhà lớn) và cây đầy đủ trong có một bộ thiên nhạc ba ngàn thứ, bày báu tạo thành, mỗi mỗi đều có bảy báu. Người nâng giữ nhạc này. Nếu các vị tiên nhóm họp thì các món nhạc sẽ tự kêu, tấu khúc thần tiên. Khi Phật vào tiên viện nói pháp, thì các người bằng bảy báu liền tấu trời khúc sáu độ, bốn đế. Các vị tiên có năm thông núi ngã mạn sụp đổ, hoặc được quả, hoặc vào Sơ địa nhiều chẳng thể kể hết. Tiếng nhạc ấy nghe khắp bốn thiên hạ. Ở thời Phật Duy-vệ, trong núi Hương sơn, do vua lợi đại tiên Ma-lợi tạo ra. Phật diệt độ rồi Văn-thù đem đến núi Thanh Lân, Phật Thích-ca xuất hiện đem đến Kỳ-hoàn. Khi Như Lai diệt độ rồi thì nhạc này tự bay về núi Thanh Lân trong hang Kim Cương.

Bảy viện trên đều ở tại phía Đông cửa lớn và phía Tây cửa đông, trong đó rãnh nước chảy giao nhau thông suốt trong sạch. Lại quảng quan tỳ khoảnh ngưỡng cáo mệt nhọc. Mặt Nam cửa Đông ba lớp như trên, thẳng hướng Bắc vượt cầu có cửa đầu chim, năm đường cùng vào lại đến năm cửa mới thấu đường giữa. Phía Đông cửa Đông tại chia làm chín viện. Một là phía tây nam có một viện gọi là viện Đại Phạm Thiên vương. Trong hai cửa đông và tây có mười hai cái loa ốc trời. Khi các vị phạm nhóm họp thì trước ở trong đây. Y giải thoát và áo quần luôn nghiêm sức, muốn đến gặp Phật thì loa ốc tự kêu, tiếng nghe khắp Tam thiên đại thiên thế giới. Phạm thiên muốn hỏi sáu độ bốn đế thì loa ốc như biết mà phát ra tiếng, các người nghe tiếng liền nhóm họp chỗ Phật.

Lại trong viện có ao ngọc, trong ao có hoa sen vàng. Trong đó lại có mười ba vị thiên đồng. Loa ốc thường ngậm, Phật đến thì hoa nở, Phật Niết-bàn rồi thì Đại phạm Thiên vương đem về trời. Hai- một viện

đông gọi là viện Tri thời, cửa ấy mở ra các viện hướng Tây. Duy- na xem tướng biết lúc ở viên này. Trong đó có viện lậu khắc (viện đồng hồ), trong đó lại có huỳnh kim Tu-di sơn hải thủy, các sự kỳ lạ trong núi không thể kể hết trên có thành vàng, bạc trắng và bảy báu để làm lầu tăng cao hơn ba trượng, do người con thứ ba của Địa phạm Thiên Vương tạo ra, bốn góc bốn lầu mặt hợp thành mười cửa trên bốn cửa giữa đều có lầu, trong bốn lầu đều có người bằng báu. Đến giờ liền bước ra đánh một tiếng trống, trên thành đó hiện ra có mười hai người, đều cầm cây phất trần trắng đồng hô to đã đến giờ Ngọ (mười hai giờ trưa) cửa nam liền mở, ngựa từ trong phóng ra.

Qua giờ khác thì liền bước vào đóng cửa lại. Theo mười hai giờ khác thì liền bước vào đóng cửa lại. Theo mười hai giờ mà các thú hiện ra hay biến mất cũng như thế. Trong đó có nhiều người đánh kiểng báo canh, mỗi giờ đều rõ ràng. Phật nhập Niết-bàn thì núi phát ra tiếng động, thì giờ làm ra đều chẳng đấm trước người báu khóc lóc hoặc có tay gãy, sau khi diệt độ mười hai năm thì Đại phạm Thiên vương thâu về trời. Di-lặc hạ sinh lại trở về chỗ cũ. Ở phía Bắc có hai viện: Một ở phía Tây nam, hai tên là viện Ma Vương thí vật, cửa mở về Đông, ma trời mới xuống trước ở viện này, trong đó có một cái chuông, bảy mặt bảy góc ma-ni báu làm thành cái đầu chứa ba mươi vạn học. Khi người trời nhóm họp tại Kỳ-hoàn thì Tỳ-kheo Mã tinh khiến Hỷ kiến ma tử đánh chuông tiếng nghe khắp cõi Đại thiên. Ma vương nghe rồi liền thống lãnh tám trăm ức ma thiên tử giáng xuống, lại có trăm ức ma vương đồng thời cùng đến hiến báu lên Phật. Người ở địa ngục đều lia khổ. Chuông này là do cổ Phật trước kiếp Tinh Tú làm ra. Phật diệt rồi, long vương thâu xuống biển.

Lại kế đông có một viện gọi là viện Đại Phật tượng, cửa mở về Tây. Ở trong đó điện đường trang nghiêm, thành báu hoa quả ao rừng chẳng thể kể hết. Hai viện bờ bắc lại có hai viện, kế Tây có một viện gọi là viện Long Vương, cửa mở về Đông, trong có nhà lớn, lại trong có bình báu lưu ly, trong bình có bảy gà vàng, rồng đến liền gáy, tiếng nghe xa ba ức dặm, long vương khi đến thì bảy gà đều gáy, các rồng khác đến chỉ một gà gáy. Bình ấy trong ngoài đều trong suốt. Hình gà vàng như gà núi này, tiếng như tiếng sáo, các rồng nghe thì tâm sân liền hết. Như Lai diệt độ thì các gà bay đi. Ca-diếp kiết tập thì hai gà trở về. A-nan Niết-bàn thì liền bay đi chẳng trở lại. Ngày xưa, các đại long vương đến hầu Phật đều đến viện này trước, bỏ tướng rồng mà đến chỗ Phật. Lại có khánh ngọc ba tầng. Khi Rồng nhóm họp thì Tỳ-kheo

Phú-lan khiến long vương Ma-na-tư đánh lên, tiếng nghe cả Đại thiên thế giới, trong đó long vương đều cầm vật báu đến cúng Phật. Khánh do long vương Ta-kiệt-la làm ở kiếp Tinh Tứ. Phật diệt độ rồi, long vương đem vào cung.

Lại, kế phía đông có một ngôi gọi là viện Thức điện, viện này mở cửa về phía Tây. Trong viện có hoa cây như trước. Kế phía bắc có viện lớn tên là viện Cư Sĩ, cửa mở về ngõ Nam, trong có một nhà lớn, các cư sĩ tục mới vào già-lam trước nghỉ ở viện này. Có bốn chuông đồng đều nặng hơn ba ngàn cân, hình dáng như cội này, do Chu Kính Vương đúc ra. Bốn bên đều có tượng bạc trắng ẩn hiện, lại làm hình Như Lai khi làm Thái tử, và các tượng cỡi ngựa đấu sức,... mỗi chuông đúc đồng hình rồng có vị tiên cỡi trên lưng, tay cầm chày vàng hướng xuống đánh chuông, tiếng nghe cả cội Diêm-phù-đề, bốn mùa chia âm xuân như tiếng đàn cầm cỡi trời, trong đó nói pháp Tứ đế của Thanh văn. Mùa hạ như tiếng sáo trời trong đó nói sáu độ và bốn đế của Bồ-tát. Hai mùa Thu đông như tiếng sấm trời trong đó nói pháp Phật mới thành đạo.

Chuông lớn ấy là do bốn vị đại thiên vương mỗi vị tạo ra một quả, quý thần có duyên giấu chuông dưới viện Kỳ-hoàn thì liền hiện ra. Các cư sĩ nghe tiếng chuông liền hiểu được pháp yếu mà Như Lai đã nói. Mùa xuân được quả thứ ba, mùa hạ được bốn mươi tám Địa tiền. Hai mùa Thu, Đông chứng được Nhị địa. Ở phía Bắc viện Cư Sĩ có hai viện riêng, một viện phía Tây gọi là viện Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, cửa mở về ngõ Nam, vị đại Bồ-tát này ở trong đó. Trong đó có Phật đầy đủ trang nghiêm ao hoa rừng trúc trời người nhóm hội. Hoàng duyên chánh hóa độ thoát người có duyên. Có đài chuông lớn và có trong lớn miệng bạc mặt vàng. Văn-thù vì các Bồ-tát nói sáu độ. Trống nói sáu độ, các pháp khác cũng thế. Trống ấy từ trời Tha Hóa đến đây cúng dường. Sau khi Phật Niết-bàn lại trở về trời mà rung chuyển, tiếng nghe khắp Tam thiên Đại thiên thế giới. Người ở địa ngục nghe thì được lìa khổ mà giải thoát.

Phía đông viện Văn-thù Bồ-tát có một viện gọi là viện Tăng Khố, cửa mở về ngõ Nam. Tiền của đồ dùng của tăng đều chứa để trong đó (từ trên đến đây cửa Đông lớn, ngõ Nam lớn đã hết).

Cửa Tây lớn lại có bảy viện, phía Đông Nam có một viện gọi là viện Bồ-tát Tứ-đế, trong có nhà lớn cửa mở về ngõ Bắc, có rừng ao đầy đủ. Các Bồ-tát nói rõ về Tứ đế, lời lý rộng ước, có không buộc mỡ, phàm Thánh thông bát đều nhóm họp trong đó. Các viện học tông lệ theo đây chẳng nói hết.

Viện có chuông vàng ba tầng, mũi có hình chín rồng, kêu tiếng như đàn trời nghe xa hai mươi dặm, do long vương Hòa-tu-cát tạo ra. Xưa, khi Phật câu-lâu-tần còn ở nhân địa, Phật đã khéo léo vận ý nghĩ tạo ra, nguyện ta ở vị lai được thân mâu vàng, hằng khiến chuông này cúng dường chư Phật.

Kế ở ngõ Bắc nhỏ có một viện gọi là viện Mười Hai Nhân Duyên, cửa mở về ngõ Nam, nhà và cây trang nghiêm, trong đó không có chuông, có du tử vàng như tiểu ả tử, đến giờ thì phát ra tiếng như tiếng sáo, trong tiếng nói về Bồ-tát tứ đế, mười hai nhân duyên, vô thường, khổ, không. Tiếng ấy đầy khắp thành Xá-vệ. Nếu muốn ngưng bảo ngưng liền ngưng, con du tử này do long vương Ma-na-tư tạo ra. Khi Như Lai sắp Niết-bàn thì trong mắt cầu tử có máu phát ra tiếng “kỳ lạ thay Thế tôn ba tháng nữa sẽ Niết-bàn”, nên báo trước tin, Người trời nghe rồi thì cảm thương buồn khổ.

Kế viện Bồ-tát Tứ đế ở phía Tây lại có một viện gọi là viện Duyên Giác mười hai nhân duyên, phía Đông đối với viện Bồ-tát Tứ Đế. Đường cây đồng nhau cửa mở về ngõ Bắc. Trong có chuông vàng hình như ba sừng trâu đều nhỏ liền nhau trên có hình côn luân tử có mũi như chuông vàng, đến lúc gió nhẹ thổi động tiếng nghe xa tám dặm. Đây là do Tỳ sa-môn thời Phật Ca-diếp tạo ra. Mỗi khi đến ngày 8 tháng 4 thì chuông sẽ tụng kinh Phật Ca-diếp Niết-bàn, bốn chúng đều nghe.

Kế ngõ nhỏ phía bắc có một viện gọi là viện Duyên giác Tứ đế, cửa mở về Nam. Người Duyên giác tánh ưa nghe hai pháp, Phật tùy căn tánh mà nói. Trong có nhà lớn, rừng ao thanh tịnh. Đây là chỗ rất kín đáo, có chuông đồng người đánh tiếng vang xa trăm dặm. Khi tạo viện này đào đất mà được, chuông do thần đất Kiên Lao tử bố thí.

Ở phía Bắc bốn viện này có một viện lớn gọi là viện Vô học nhân vấn pháp, cửa quay về ngõ Bắc, các đại A-la-hán đến hỏi pháp đồng nhóm họp trong viện này. Trong đó có đại Phật đường rất cao lớn, rừng ao giao nhau, người thấy đều kính. Phật đến nói cho là thường, chỉ có một chuông trúc giống như cái linh (chuông lặc) vốn là do vua Càn-thát-bà tạo ra. Mũi chuông có côn luân vàng tay tự vác chày, đến giờ liền đánh, tiếng như tiếng đàn, chỉ nghe trong viện. Trong tiếng nói kinh mười hai nhân duyên. Mùa xuân thì hoa nở, trong thành Xá-vệ các trẻ con đều đến xem nghe, thọ năm dục lạc nghe pháp được quả.

Lại ở ngõ Bắc nhỏ tự chia ra hai viện Đông Tây. Một viện phía Tây gọi là viện Học Nhân Trụ Chỉ Thỉnh Pháp (người học ở đó nghe

pháp), cửa quay về ngõ Nam. Nhà lớn (điện đường) và ao rừng sáng rỡ như trên không khác. Đại phạm Thiên vương tạo ra sáo trời, toàn dùng bằng bạc đặt trong viện này, đến giờ thì trời Đao-lợi thổi tiếng đến Phi tướng; Các trời và bậc Thánh nghe nói sáu độ phạm phu thì nghe như tiếng sáo. Trong thành Xá-vệ các dân nữ phần nhiều chưa thấy nghe nói năm dục lạc do được vui nên ngộ sơ Thánh đạo.

Kế viện phía Đông gọi là viện Phật Du Khố phía đông các đường lớn đối với Phật Hương khố. Sa-di dất bốn bộ hiến dầu cúng dường Phật đều nhóm họp trong đó.

Phía Tây cửa Tây tự chia ra sáu viện.

Viện nam sơ đông gọi là viện Tha Danh Tha Phương Tam thừa học nhân tám Thánh đạo, ở hai cửa đông tây, điện đường phòng xá rừng ao các thứ đều đầy đủ. Có một chuông lớn có sức chứa hai mươi thạch, hình dáng như cối này xuất hiện ở Tấn châu, thân chuông có tám góc, dưới có một trăm hai mươi góc, góc có một trăm hai mươi bảo châu. Hình chuông có ba phần, phần dưới là miệng bằng vàng ròng, lưu ly xanh ẩn hiện, phần giữa là bạc trắng và pha lê ẩn hiện. Phần trên là mã não và vàng trời tạo ra. Trên mũi vàng làm tượng hình hai đầu, lại làm ba mươi ba hình trời, trời ấy ở trên đầu voi.

Hình trời năm thước dùng pha-lê xanh làm mã não trời. Trong tay trời, người đều cầm phát trần trắng. Đến giờ thì voi kêu lên, mọi người đều vẩy phát trần mà ca múa bài Tám Thánh đạo, lời ca do Thích-đề hoàn-nhân soạn. Khúc tức tám muôn bốn ngàn khúc, lời cũng có tám muôn bốn ngàn lời, một khúc trị bệnh phiền não của chúng sinh, trời ba mươi ba hát khúc ca này và múa, một bên sau đó vẩy phát trần ca tấu lời ca sáu độ của Bồ-tát xong, chuông liền tự kêu, tiếng vang khắp ngàn thế giới, trong tiếng nói Bồ-tát thực hành tám Thánh đạo. Bồ-tát nghe chuông đều khởi vị địa. Trong thành Vương-xá và thành Xá-vệ có tám viện này nghe Phật nói pháp. Khi nói pháp thì tiếng chuông biến thành đàn trời thanh diệu không gì sánh được, như tu tám chánh, nghe tiếng chuông này thì Phật nói pháp liền hiểu.

Chuông này do Thiên vương Đâu-suất ở thời Phật Câu-lưu-tần tạo ra. Sau khi Phật ấy diệt độ thì thần núi Tu-di thâm vào hang kim cương. Khi Phật Thích-ca ra đời thì đến kỳ-hoàn cúng dường, đến ba tháng hạ an cư thì trời hai mươi tám và tám trăm ức các đồng tử trời đều trở nhạc trời và từ cõi trời mà xuống đến viện này nghe Phật nói pháp, hằng năm chẳng dứt, cho tới nay các trời cũng còn đến, vì thế mà tấu trở nhạc trời. Khi Phật Niết-bàn thì bảo các đồng tử trời rằng: Ta độ người

nữ làm tổn chánh pháp của ta năm trăm năm. Khi ta diệt độ rồi các tỳ-kheo-ni tội ác không thực hành tám kính thì mau diệt pháp ta, các người phải đến đây thường thổi nhạc trời khiến chánh pháp ta ở lâu trên đời. Các đồng tử trời nghe xong thì đều khóc lóc không thể ngăn được, đều thưa rằng chẳng dám trái lệnh. Đời tương lai có Tỳ-kheo-ni tội ác đến khiến chúc lụy, chúng tôi hàng năm đều đến đây cúng dường, chẳng muốn cho pháp do đây mà diệt.

Kế ở Tây nhỏ có một viện gọi là viện Học Nhân Tứ Đế, cửa hướng về đông, trong có điện đường và cây... như đã nói, có chuông đồng lớn hình núi Tu-di, do các con của Trưởng giả Tu-kế-na ở thành xá-vệ tạo ra, tự phát ra tiếng như tiếng chấu bể. Mới mười tuổi đã phát tâm mong bay đến cõi trời Ba Mươi Ba, phàm Thiên vương biết được tâm ấy, đến khiến thợ Thiên-trúc chỉ dạy phép tắc, báo đã thành rồi thì người ấy được thăng báo tiếng sấm. Trên chuông có cung điện Đế-thích tứ vương, nhật nguyệt tinh tú bốn biển các hình tượng tiếng như đàn rỗng nghe xa cả ngàn dặm, nghe gần như ni chúng Giang Nam tán bá.

Kế ở Bắc nhỏ có một viện gọi là viện Học nhân mười hai nhân duyên, hai cửa nam, đông đều mở ra ngõ. Điện đường và cây như trước, trong đó có chuông đồng, ngoài giống hình mâu, trong có bảy góc, mũi có sư tử vàng, dưới có ba mươi bảy góc, đến giờ thì tự kêu không đợi người đánh. Do người con thứ ba của long vương Ta-kiệt tạo ra. Do nhân duyên đó các mũi đều chảy máu, Tỳ-kheo dạy tạo ra, khiến thợ giỏi rỗng là người thời Phật Tỳ-bà-thi, khi chuông đã thành thì mũi máu liền hết, tiếng chuông nghe xa đến ba trăm dặm.

Kế ở đông có một viện tên là viện Giác Lực, cửa quay về tây. Những người ngã kiến trong bốn thiên hạ và các ma vương muốn đấu sức với Phật về đạo lực đều ở trong viện này, trong đó có núi Tu-di bằng vàng ròng, trên núi có mặt trời, mặt trăng và các sao, các người luận nghị nhiều âm dương và các luận trước phục quang vị đại tiên ở trong viện này, Phật Niết-bàn phó chúc pháp cho trăm ức bốn thiên hạ, nhật nguyệt các sao, hai mươi tám tầng trời đều ở đây. Lại có mười hai chiếc trống vàng, thân dài năm trượng, mặt rộng hai trượng một thước, có mười hai hoa sen vàng bạc trên chiếc trống này. Nếu có dị luận, tà kiến, ngoài đạo, người thế tục đến thách đấu, hoặc thần tiên trí lực có năm thần thông thách đấu, Âm dương nhật nguyệt toán số đến tranh cãi... thì trống liền tự kêu. Mỗi chiếc trống trên có chín rỗng vàng tự kết quanh nhau. Trên miệng rỗng vàng đều ngậm cánh chim cánh vàng. Đầu chìm đều có Bồ-tát tín tướng đều cao một trượng hai, tay

cầm phát trần báu, đội mào pha-lê hồng. Đến khi luận nghị thì Bồ-tát nâng phát trần lên miệng phát ra tiếng như sấm trống kêu, rung chuyển cả cõi Đại thiên, sáu thứ động đất, chư Phật mười phương, Bồ-tát thập địa đều nhóm họp trong đó. Các người luận nghĩa trước có lời biện luận nghe đều quên mất, sợ trí dứt mất. Tiếng trống lại phát ra, lại nói bất khả tư nghì thần hóa pháp môn, các người muốn đấu nghe liền ngộ địa vị. Trống này do đại tướng ma-ni-bạt-đà tạo ra, khi Phật Ca-diếp xuất hiện thì lại đem đến. Phật diệt độ rồi thì thâu vào long cung. Y cứ đây làm chứng thì chư Phật kiếp Hiền đều đồng như thế.

Kế phía Bắc có hai viện lớn gọi là viện Ngoại đạo đến xuất gia, cửa quay về ngõ Nam. Các người dị kiến mới đến qui chánh hóa thì trước ở viện này. Có một không hầu bạc cõi trời, lại một người bạc cõi trời ngồi trên hoa sen bảy báu đờn không hầu này. Vị trời trên đầu có một bảo vương ma-ni (ngọc báu ma-ni) nếu các ngoại đạo đến vào viện này, thì đàn không hầu cõi trời phát ánh sáng. Ngoại đạo nghe tiếng ánh sáng thì toàn thân được vui mát mẽ. Cái gọi là các hoặc nhờ đây tiêu trừ mà chứng quả thứ ba. Nhạc này là vua quỷ La-sát ở núi Lăng-già thời Phật Ca-diếp tạo ra, khi Phật ấy diệt độ rồi thì Văn-thù đem đến Kỳ-hoàn. Phật diệt độ mười hai năm thì cũng còn ở viện này, qua năm này rồi thì Thánh Văn-thù lại đem về núi Thanh Lương trong hang Kim Cương.

Lại ở ngõ Bắc nhỏ có một viện lớn là viện Phạm Phu Thiển Tư. Cửa quay về ngõ Nam người tu mười nhất thiết nhập ở đây. Trong đó có chiếc khánh đá do thần ca-lâu-la tạo ra là vật thời Phật Câu-lâu-tần (câu-lưu-tôn), đá như ngọc xanh mà không phải chân bảo, hình như chuông lắc, tiếng vang xa hai dặm. Trong các viện đều có điện đường và rừng lớn giao nhau như các viện khác đã nói. Từ trên đến đây gồm có hai mươi chín viện.

Ở giữa ngõ Nam ở phía bắc viện lớn, đông tây thông suốt. Cầu lớn liền cách chỉ có ba cửa, trong ngõ có hai dòng nước đều chảy về Tây. Cây rậm rạp đông hạ đều sum suê, đất đai bằng phẳng sạch sẽ như lưu ly, đất có lá thần đều xua tan hết. Hễ có người lễ hầu đạp trên đất này đều run sợ, kẻ có tâm khinh khi thì sẽ té, bị phi nhân chê trách. Có người đến, tâm ác chẳng sinh. Trong viện cửa chánh mở ra ngõ Nam lớn. Có bảy tầng lầu, lầu có chín gian năm cửa cao rộng khoảng hai trượng. Phật đương lai sẽ đến hướng Nam, chẳng xa có cửa đầu chim, cũng mở ra năm đường. Lại ở Nam có chiếc cầu rất cao đẹp, dưới có nước chảy về Tây rất trong trẻo vắng lặng. Lại phía Nam thì đến chùa

cửa Nam lớn. Cho nên có người đến thì từ mặt Bắc thấy trùng phức ý lệ kính thần tủng ố thức mục nhìn thấy năm tinh đều mở, hai bên đường bày các thứ cây hoa đẹp lạ, không hề biết tên, người thấy đều lạ. Trong viện cửa Nam mặt đối diện đóa môn, cũng có bảy tầng ngang bày bảy cửa trất tỳ rất cao để biểu thị do bảy giác ý, ý nói trong đây chỉ có Phật ở, chẳng cùng tăng có cộng phần trạch pháp. Cho nên Phật giác tri thường vì đệ tử nói cho biết rõ ràng, nên gọi là Phật môn thất biểu ố nhập môn khắp. Chẳng xa có chiếc ao vuông lớn. Trong ao hoa sen bốn mùa nở khắp. Bốn màu khác nhau, hương thơm ngào ngạt đều còn búp chưa nở. Ao Nam có chín vạc vàng lớn, dưới bày dấu chân, vòng ngoài các quái thú bày la liệt, cùng nhau mạnh mẽ, tướng trạng tâm luân trong ngoài vạc. Trong các hoa lá lạ thì hương thơm và sắc sáng rực rỡ, mới nhìn lóa mắt chẳng dám nhìn lâu. Ao vuông phía bắc có tháp Phật lớn cao thấp bảy tầng, đẹp đẽ to lớn, toàn dùng đá lạ, kể là ngọc báu hình dạng lạ lùng chẳng biết danh mục. Tiên có mâm lạ, chuông vàng vô số, gió nhẹ thổi chuông lắc tiếng nghe hòa dịu. Dưới tháp có thờ móng tóc và xá-lợi Phật ca-diếp. Lúc đó, nói đủ tướng xương và thuật mê vọng, nên chẳng nói đủ. Hai bên tháp có đài chuông, chuông và đài đều bằng pha-lê, bên phải do Thiên vương tạo ra, chuông và đài đều bằng vàng bạc. Hai chuông đều nhân năm mươi hộc, chẳng thường kêu. Khi chư Phật mười phương tập họp mới kêu. Tiếng vang xa trăm ức thế giới.

Kế phía Bắc có điện Phật lớn cao rộng lóa mắt, các thứ hành lang hai bên và nhà cửa nương trong hư không, Đông tây hai bên điện có cây lớn trang nghiêm, hai mùa đông hạ đều xinh tươi bóng mát che mặt trời. Trong điện buông rèm, ở góc có hai hương sơn, là thời xưa do long vương Tỳ-bà-kiệt-la tạo ra. Ngày mới thành do núi càn đà cao nên phàm phu thấy chỉ cao có một trượng hai thước, hình dáng đồng với núi Tu-di, nửa eo trở xuống toàn dùng vàng bạc. Trên đỉnh có ao lớn, bốn mặt hình đầu thú như ao A-mậu-đạt, núi có cây rừng hoa trái. Sơn Vương bốn mặt trang nghiêm, đều dùng bốn báu tạo thành. Sắc núi có nhiều thứ cây tử đàn, ngư đầu, trầm thủy, v.v... hoa như bánh xe, phàm phu thấy chỉ bằng đồng xu lớn. Đến sáu ngày trai thì hoa đều nở, nước chảy dưới đất đều chẳng thấy. Núi có cây cối đều nói pháp. Dưới núi chín rồng thường phun mây thơm và nước thơm sạch. Ở sáu ngày trai người bệnh uống vào đều lành bệnh. Có lúc Như Lai cùng chư Phật mười phương nhóm họp nói pháp cảm được trăm ức chư Phật, Bồ-tát, tám bộ trời rồng đều vào núi. Mười đệ tử lớn trong chúng Thanh văn cũng được theo vào. Các sự tướng khác chẳng thể nói hết.

Trong điện có Liên Hoa tạng, cao hơn một trượng ba thước, hình trạng như hình minh đường ở cõi này. Dưới đài có chín rồng quấn kết làm chân, vàng tử ma làm đầu rồng, trên có hoa sen bảy báu, trong hoa có thân đứng của đại thần tướng ma-ni-bạt-đà làm bằng vàng ròng và bạc trắng, chạm cổ dùng bạc trắng làm đài bảy tầng. Đài có tám góc, tám mặt có cửa sổ, dưới cửa sổ có cửa dùng vàng làm cánh có khóa vàng hình như sư tử tự nhiên mở, mở chẳng cần công người. Dùng pha lê hồng làm ngói đều có sư tử vàng, miệng sư tử đều ngậm chuông vàng bạc. Trên đài có tướng bánh xe như nay trên tháp, xong có tám góc, ở mỗi góc có khóa vàng đầy đủ. Trên khóa treo sư tử vàng ngậm chuông như ở trên, đều tám góc châu chúa làm lưới, châu chúa như gà, tướng bánh xe trên châu như chim cánh vàng, trên chim có Bồ-tát Phổ Hiền cõi voi trắng, che ở trên có lọng báu, (các thứ trên chạm trên một hạt châu).

Trên nói tướng Liên Hoa tạng, mỗi sáu ngày trai, bốn chúng kính lễ, trong miệng chín rồng, đầu trước phun khói thơm. Trong miệng đại tướng quả trách kẻ phá giới. Tám cửa khóa lớn đầu ngói các sư tử và các chuông, hoặc khen công đức trì giới, lại nói các pháp như mười điều lành, v.v... các người muốn thọ giới Tỳ-kheo trước đến đài này mà chí kính nguyện cầu thì chim cánh vàng đầu đàn sẽ phát ra tiếng lớn, trước như trống trời ma-ni, sau như trăm ngàn nhạc trời. Người nghe tâm rất vui mừng và ý chí mạnh mẽ. Bồ-tát Phổ hiền phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày nói đạo nhất thật, dạy đại tuệ bình đẳng, dạy vô tướng trì giới, người tu nghe pháp được quả Đẳng địa, nghiệp xưa chướng lụy không còn nghe thấy. Như thế thỉnh rồi mới đến giới đàn mà y pháp thọ giới cụ túc. Phổ hiền ánh sáng trước chiếu giới đàn, sau mới chiếu khắp các thế giới ở mười phương, trăm ức cõi Phật.

Người ấy thọ giới rồi thì trở về lễ đài. Nếu người đắc giới thượng phẩm thì cửa tự mở mà thấy trăm ngàn Phật, nói cho nghe các hạnh nguyện lớn của Phổ Hiền, hoặc lên các địa liền thấy trong đài tám muôn bốn ngàn lầu quán bằng bạc trắng. Tùy chỗ quán đều có trăm ức đài vàng, mỗi đài đều có trăm ức hóa Phật. Trong lầu quán bạc đều có tám mươi bốn ngàn Bồ-tát Phổ Hiền, trong đài vàng đều có trăm ức cõi Phật, ở giữa mỗi cõi có thế giới Liên Hoa Tạng. Mỗi thế giới đều có đài hoa sen trong đó dùng bảy báu trang nghiêm, gọi là tịch diệt đạo tràng, mỗi đạo tràng đều có trăm ức Phật Lô-xá-na, nói pháp thân bình đẳng, nói Hoa nghiêm ở trong đài này. Thiên vương Đại phạm đời đài đến nước Ma-kiệt-đê, vì Phạm vương mà thỉnh Pháp chủ. Trên các chín

rồng là long vương Ta-kiệt-la tự tay tạo ra. Đại thần tướng, các hoa sen đều do đại Phạm vương Mộc Vận tạo ra, thân đài do Bồ-tát Kim Cương Tế tạo ra. Các bảo xí điền bằng báu cũng do Ta-kiệt bày ra. Tượng hoa tạng này thấy được chỉ là các Thánh hiền tùy các nghiệp lực. Như thấy nghe trên đều không phải là cảnh giới của phàm phu thấy kém. Đến khi Phật diệt độ thì long vương thâu lại để trong các hải điện. Trong điện có tòa Phật lớn, hai góc đều có tháp ngọc do Ca-diếp Như Lai lúc nhân địa tạo ra. Tháp cao một trượng sáu, góc có một trăm ba mươi tầng, toàn thân thâu về một hạt ngọc.

Trong tháp chư Phật Bồ-tát tám bộ hình tướng đều có một trăm mười ức. Tượng ấy chạm khắc đẹp đẽ ở đời khó luận. Tầng thứ mười ba trở xuống đồng với núi Tu-di. Dưới tầng Tứ vương làm tượng Phật Thích-ca mới thành đạo độ năm Tỳ-kheo tư duy. chư Phật ba đời đều ở trong tháp này mà nói tạng tỳ ni. Nay ta cũng thỉnh Tỳ-kheo Lâu-chí nói, khi Bồ-tát nói giới, cho đến thọ giới thì tháp này thường phát ra ánh sáng, chiếu thẳng vào giới đàn, hóa thành các đài của lọng đài. Trong đài mười phương Phật hiện ra quả trách việc phá giới, khen ngợi người trì giới, có người gặp thì đều lên cửu địa, liền vào tháp. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói trong tháp này thuyết pháp cho đến khi Phật diệt độ, Long vương Ta-kiệt-la thâu đem về biển, trong điện Đương Dương có lập pho tượng lớn, thân bằng ngọc bích, điêu khắc bằng vàng bạc. Thử xưa, Bồ-tát Văn-thù tự vận tay làm vào thời Phật Câu-lâu-tôn. Phổ quang phu cao một trượng tám thước. Như Lai du hóa chẳng ở tượng này nên vì trời, người nói pháp. Tượng lớn phía đông, hai pho tượng đứng được làm bằng vàng ròng tử ma, dùng bạc trắng bảy báu để chạm trổ.

Trời, người, rồng, quỷ tất cả nghĩ chẳng thể đến. Đều cao một trượng tám, có các thị vệ và cúng dường đủ ba trăm việc, xưa Phật Duy-vệ Niết-bàn tự tay tạo ra. Có hai sư tử vàng, ngồi trước tượng nếu có thiên ma, ngoại đạo làm ác vạ hỏi thì sư tử gầm thét lớn, đất đai rung chuyển sáu cách, quân ma sợ hãi rút lui. Xưa, Đức Thích tôn ở tại trời Đao-lợi, tượng này ở điện vì các Tỳ-kheo dạy giới nói pháp. Cho đến các vua chẳng thấy Phật nghĩ đến tượng Thích-ca này, ba lần nói pháp cho vua nghe. Kỳ viên khi mới lập giới đàn thành rồi thì tượng này trước thống lãnh đồ chúng, đến giới đàn đi nhiều ba vòng, mỗi bước đều mọc hoa sen ngàn cánh vàng. Mỗi khi thọ giới thì hoa tự nở ra. Trong đó có thiên đồng tấu nhạc trời. Lúc khác liền họp mặt trời, đến khi nói giới hoa lại nở ra bày thiên đồng tấu nhạc, khen ngợi công đức Phật. Tượng này giữa hai đầu chân mày có một viên ngọc như hình chim phụng.

Duy-na đánh chuông châu liên phát ra ánh sáng chiếu vào thân duy-na. đến giờ nói ra không có ai làm. Thì Phật diệt độ mười ba năm, rồng Ta-kiệt-la thâu về kiểu để cúng dường.

Tượng lớn phía Tây có hai pho tượng ngồi, một là mã não, dùng ba thứ vàng, bạc, ngọc mà chạm khắc, một là bạc trắng dùng vàng ròng mà chạm khắc, hai tượng đều dùng bảy báu mà tô màu. Đều ngồi trên hoa sen báu cũng cao một trượng tám. Do kim cương tràng Bồ-tát tạo ra vào thời Phật Duy-thí. Thích-ca Như Lai thành đạo mười lăm năm, hỏi tượng này bảo rằng: “chư Phật quá khứ nói kinh gì, hiện tại có kinh cổ Phật đều không có tượng này”. Đáp rằng: Quá khứ có mười ba ức Phật nói tỳ-ni giáo, mỗi pháp đều khác nhau, tu-đa-la A-tỳ-đàm âm dương thư số công xảo toán kế, tùy sự lý đều khác nhau. Nay đều vẫn còn, Ba tạng chánh điển ở long cung Ta-kiệt, âm dương thư số ở trong hang Kim Cương trong núi Tu-di, nay cùng Thế tôn đến chỗ ấy, có thể tập hợp trăm ức các Đại Bồ-tát. Bấy giờ, Đức Thích-ca phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày tập hợp các Bồ-tát theo hai Đức Thế tôn đến long cung mà lấy kinh luận trước.

Lại đến hang mà lấy các sách âm dương ở trong Kỳ viên, tùy viện mà đặt hai tượng, thị vệ tám bộ quyển thuộc có bốn trăm hai mươi một thứ, trước hai sư tử một bạc trắng, một mã não, có hai thiên đồng cỡi sư tử tay cầm phát trần trắng. Khi có các Tỳ-kheo muốn thọ giới thì hai thiên đồng này cỡi sư tử đến giới đàn, vẩy phát trần khen ngợi công đức trì giới. Khiến thân sư tử múa, nay đi quanh đàn mà ca hát, thanh nhã không gì sánh bằng, chim bay đến nghe rồi thì đều được Thánh vị, hoặc lên Thất địa. Tượng lại phát ra ánh sáng đến chỗ thiên đồng, trong ánh sáng có nhạc trời ứng với ca múa. Thiên đồng khen ngợi công đức trì giới. Người thọ giới xong rồi liền trở về chỗ cũ. Phật sắp Niết-bàn thì tượng này đưa Phật đến đất trà-tỳ. Hai thiên đồng ấy ở trên kim quan khen ngợi sự vui Niết-bàn, người nghe liền chứng Vô sinh, lại ca khúc vô thường, khổ, không; trời, người nghe rồi phần nhiều chứng bốn quả Sa-môn. Đã trà-tỳ rồi thì theo rồng trở về cung, chẳng trở lại trước điện Phật ở Kỳ Thọ nữa.

Tầng trên lầu Đông có tám muôn Phật bằng bạc trắng ngồi trên hoa sen bảy báu, mỗi lầu quán đều có Như Lai thành đạo hàng phục ma trời, xoay bánh xe pháp, nhập Niết-bàn, trong lầu báu có một ao báu, hoa báu trang nghiêm. Trên hoa chư Phật đều nói pháp mầu, tượng ấy bạch ngọc nhiều ít làm ra... trong ao hoa sen, trong viện có mười sáu ức tháp báu bằng bạc trắng. Ở giữa các tháp có chân châu, cỡi trời tháp có

một trăm hai mươi góc, số tầng cũng như thế. Dưới tháp có ba trăm hai mươi đầu rồng quấn nâng đỡ tháp châu, ngoài tháp có hạt châu lớn như hình chim phụng, Văn-thù-sư-lợi cỡi ánh sáng đến giới đàn chiếu sáng các Tỳ-kheo mà quở trách việc phá giới, người che giấu tội, ánh sáng chạm vào thân người ấy. Lại thấy trên đầu Tỳ-kheo phạm tội trọng ánh sáng châu bắn vào tim, phát nóng đốt thân chịu các khổ não.

Ai chi thành sam hối thì ánh sáng châu phun nước lạnh mát rửa sạch thân tâm, được vui mát mẻ, gốc giới lại sinh. Đại bi Văn-thù phát ra ánh sáng trắng, lại chiếu Tỳ-kheo mà quở trách phá giới, khen ngợi trì giới. Châu tháp ấy lại từ đất bay lên đến đàn, đi nhiều quanh hành đạo. Trong tháp, nhạc trời đều nói các pháp đại bi bình đẳng, khen ngợi các công đức lớn của trì giới. Trong tháp châu này có hai tượng Phật Thích-ca và Đa Bảo nói kinh Pháp Hoa. Hội thứ bảy ở trong tháp này. Đại chúng tám bộ vào tháp không chướng ngại. Khi sắp chế giới thì Bồ-tát Kim Cương Tràng làm chủ thỉnh. Trong tháp trước có tượng Tỳ-ni của hai Đức Phật Ca-diếp, Duy vệ. Thích-ca Như Lai mười hai năm sau khi chế giới thì ở trong tháp này thảo luận luật xưa. A-nan Tỳ-kheo thường ở đó tập tụng.

Trên tháp châu này bốn mặt có trăm ức trời, người đều nương theo gió, tay cầm nhạc khí thường cúng dường đại tỳ-ni tạng. Mỗi khi thọ giới, tháp đến chỗ đàn, các nhạc trời đi quanh tháp cúng dường. Người có công đức thì hai cửa tháp tự mở mà thấy Thế tôn, tay rời đầu nhận rồi, sau đó thì tháp này trở về chỗ cũ. Trong đó sự mâu nhiệm không thể nghĩ bàn, chẳng thế nói năng. Các tướng từ trước đều là Bồ-tát Kim Cương Trí ở thời Phật Duy-vệ tạo ra. Châu bảo ấy là long vương Ta-kiệt. Thích-ca Như Lai trước khi nhập Niết-bàn thì các pho tượng, lầu quán và ao trong tháp đều theo tháp bay lên không mà đưa đến chỗ trà-tỳ. Người trời liền tấu khúc ca thường, lạc, ngã, tịnh. Việc trà-tỳ xong rồi thì tháp châu phát ra ánh sáng, che lấp đại chúng mà xin giải quyết các mối nghi rằng chư Phật quá khứ khi nhập Niết-bàn thì dạy răn các đệ tử như thế nào. Trà-tỳ xây tháp phân bố xá-lợi các tướng... Phật đều tùy đáp. Nhân Bồ-tát thỉnh bèn gọi kinh ấy là Đại Bảo Tích. Kinh ấy có ba phần, phần một giống kinh Niết-bàn. Đã nói kinh rồi cửa tháp liền đóng, long vương Ta-kiệt thâu đem về cung rồng.

Kinh Diệu pháp liên hoa việc đồng với Hoa Nghiêm, Bát-nhã nói ở nhiều hội. Nay dịch là hội thứ ba. Kinh Phật Hoa Nghiêm cũng nói mấy độ, mỗi chỗ đều nói có bảy chỗ tám hội, giáo chủ khác nhau. Trong lầu báu, trong tầng có mười sáu giới, bảy báu lầu quán. Tùy quán

có nhiều tượng Bồ-tát Di-lặc. Trong kinh, đồng tử thiện tài gặp Bồ-tát Di-lặc ở trong quán này. Lại có năm trăm đài bạc trắng, trong đài đều có năm trăm đài vàng. Tùy theo mỗi đài đều có ao bảy báu, đều có hoa sen vàng ngàn cánh, hoa nào cũng có Phật. Lại có hoa sen bảy báu nhỏ. Các thiên đồng đều thổi nhạc trời ca múa, trong có núi Tu-di ngọc bích. Trên núi có tượng Thích-ca Như Lai độ các rồng. Các lầu báu trên đây đều không thể nói, Bồ-tát ở thời Phật Duy-vệ tạo ra cúng dường cho đến nay.

Như Lai Niết-bàn thì Đạo-lợi thiên chủ thân về trời. Tầng dưới lầu báu làm tượng Đại Phạm Vương và các quyến thuộc bằng người đầu chiên đàn. Lại làm tượng Đế-thích Tứ vương và các bộ thuộc. Sau khi Phật thành đạo ba mươi mốt năm, hình tượng Văn-thù nói năng cử động như thật không khác. Ở giữa có chuông vàng lớn, tượng đế thích mỗi ngày đánh chuông vang xa cõi Tam Thiên, khi Phật diệt độ mười hai năm thì rồng thân về điện ở biển để cúng dường. Trong đài lầu tây trước điện tầng trên có sáu mươi bốn núi Tu-di đều dùng ba sắc ngọc bích, xanh, trắng tạo nên. Dưới núi quanh biển (chu hải) báu làm bờ trong núi lớn có tám mươi ức lầu quán chân châu, pháp quán nào cũng đều có tượng Phật thanh đạo hàng phục thiên ma, xoay bánh xe pháp, bát Niết-bàn... tùy trên núi chúa đều có lầu báu lớn, Như Lai Ca-diếp ở lầu quán này nói Thắng Thiên vương Tư Cối Hoa Nghiêm đều mười muôn bài kệ.

Trong lầu đài này ở kiếp Tinh Tú là chỗ chư Phật nói tạng Tu-đà-la, giữa đài có bạc trắng, cờ ba ngàn bạc, trên cờ ba ngàn bạc có trăm ức thiên đồng cõi sử tử thường làm nhạc trời để cúng dường kính trước. Trong nhạc có nói nhiều về hạnh bình đẳng đại hội phổ hiền. Trên đầu cờ có chim cánh vàng lớn. Miệng châu vương ngậm bảy cái chuông vàng. Đến giờ thì châu tự kêu, chuông liền phát ra tiếng vang xa đến Đại thiên, triệu tập Bồ-tát Cửu địa và mười phương Phật đều hội ở đài này nói chư Phật thân thông biến hóa, hồi động trời đất. chư Phật cổ tích các thứ hoạch toán đều nhóm họp ở đài này. Trên lưng châu Vương, Bồ-tát Phổ Hiền cỡi voi trắng đầu đàn. Mỗi khi có người thọ giới cụ túc thì phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày, phân ra ba luồng:

1. Chiếu vào chư Phật chế giới đàn.
2. Chiếu vào giới đàn Tỳ-kheo ni.
3. Chiếu vào đại tăng thọ giới đàn, ánh sáng chiếu đến ba đàn hóa thành các đài hoa báu.

Đài nào cũng có trăm ngàn chư Phật nói hạnh nguyện Phổ Hiền,

nguyện Phổ hiền, nguyện khen ngợi công đức trì giới. Đài quán này, Phật thành đạo rồi trong mười một năm, Di-lặc, Duy-ma cùng tạo ra, khi Phật diệt độ rồi ba năm vẫn còn qua đây, long vương Ta-kiệt-la thân đem về biển. Tầng trong bảo đài có hoa sen báu lớn ở trong ao bảy báu. Trong ao rồng vàng ngâm hoa nằm cuộn trên hoa. Lại có mười ba ước lầu bảy báu, trong lầu có tháp báu bằng ngọc trắng. Trong tháp có tướng Duy-ma Văn-thù nói bàn. Ngoài tháp có châu đại ma ni. Đến giờ thì phát ra tiếng vang khắp Đại thiên, tiếng như trống trời lại phát ánh sáng, cùng tiếng đều đến cõi Phật phương khác. Trong ánh sáng các hóa Phật nói các đại tuệ vô sinh của Như Lai. Có người nghe pháp hoặc được pháp nhẫn, đến quả thứ ba, bốn. Vào sáu ngày trai hoa sen liền nở, người có phước thì thấy, thấy khác hợp thời là người phước mỏng.

Mọi khi thọ đại giới thì rồng vàng phun nước thẳng đến giới đàn hóa thành mây mưa thơm. Các mưa thơm việc xong liền hết. Các công đức này là Phật Câu-na-hàm tạo ra ở trước cung rồng. Long vương Ta-kiệt-la đem đến cúng dường. Phật diệt độ, khi sắp trà-tỳ thì hoa sen và ao bay trên hư không hiện đến. Khi trà-tỳ xong thì rồng vàng như trên phun mây rưới mưa để dập tắt lửa. Lại theo Ca-diếp đến chỗ giới đàn. Trong miệng vàng phát ra tiếng lớn châu vương ma-ni phát ra ánh sáng rực rỡ, trong ánh sáng phát ra tiếng lớn thành mười ba câu hỏi. Tôn giả A-nan đứng như lời hỏi mà đáp: Ba ngày sau theo long vương Ta-kiệt-la về, đứng trên đài báu tầng dưới. Long vương đều có long thuộc mà nuốt hết. Đại phạm Thiên vương tạo ra có mười tám chuông vàng và tượng các long vương. Có lúc long vương tự tay đánh chuông tiếng vang đến Tiểu thiên. Người địa ngục nghe thì các khổ tạm dứt, sau khi Phật diệt độ, Đế-thích đem dâng lên vườn hoan hỷ, đích thân cúng dường.

Điện Đại phước thứ hai cao rộng đẹp đẽ gấp mấy lần trước. Điện chiêm tượng thuộc nguy nga trọng đạ, sơn đỏ phấn trắng, ngọc vàng đẹp đẽ thuộc công phu bậc nhất thiên hạ, hai bên có hành lang tiếp với lầu quán, cũng dùng các báu mà trang nghiêm làm đẹp, điện dưới nội chiêm có bốn đài bạc. Trong hai đài có vàng ròng điệp Tu-đa-la. Bạch ngọc làm điệp, vàng ròng làm chữ. Luật là thư kinh của long vương, là thư của ma vương. Đây đều là kinh của cổ Phật ở kiếp Tinh Tú. Trong châu Diêm-phù-đề, hai bộ sách này là bậc nhất. Phật diệt độ rồi, long vương Ta-kiệt-la thân đem vào nội điện trong cung. Lấy lưu ly làm đất ở đáy lót vát vàng, có ba mươi hai hoa sen lớn, rồng đi nhiễu quanh trong hoa, có một Đức Phật ngồi, bốn mặt đều đội mũ tròn.

Phía Nam là bảy báu, vàng ròng chạm khắc, phía Tây là bạc trắng,

mặt Bắc là ngọc xanh, mặt Đông là vàng ròng. Tượng này thường vì trời người nói các pháp yếu. Trong nhụy hoa sen lại có mười muôn hoa nhỏ. Trong hoa lại có tượng tám bộ trời rồng, Thanh văn, Bồ-tát, đều hợp mười muôn chúng, dùng lưới báu che khắp quanh hoa sen lớn. Có mười ức rồng vàng đều ngậm hoa báu. Trong hoa có tượng Phật ba màu: vàng, bạc, và ngọc trắng xen kẽ mà bày, tượng Phật chỗ nào cũng có mười phương tám bộ nhị thừa đi nhiễu quanh, một Phật sau có vạn thứ hoa sen. Trong hoa thiên đồng tấu nhạc trời múa hát. Ở bốn mặt ao đều có tám hàng cây báu, bốn góc đều có núi vàng, có nhiều trai lâm, thôn trì, nước ao chảy tưới vào đất liền.

Lại có các loài chim tự nhiên xuất hiện, chẳng nhọc công người. Mỗi sáu ngày trai làm Phật nói pháp. Đại đồng tấu nhạc. Trên bốn núi vàng đều có tượng sáu chỗ tinh xá Kỳ Viện. Các thứ trên là do công đức của Văn-thù, Phổ Hiền cũng tạo nên. Sau khi Phật diệt độ, Ca-diếp kiến tạo rồi thì rồng thâu đem đi.

Phức điện hóa vách, Thích-ca Như Lai tự vẽ tám tướng biến tượng. Hình này là vẽ điện đó. Khi Phật sắp Niết-bàn thì tượng lớn trong điện này tự nhiên phát ra tiếng thỉnh Thích-ca rằng đời sau chúng sinh nếu làm đồ tượng. Phật nhân câu hỏi này liền vẽ cho.

Đài điện Đông Phức có năm lớp đều làm bằng bảy chất báu do long vương Ta-kiệt-la tạo ra trên đài châu báu, đêm chiếu sáng như mặt trời. Cho nên điện lớn này ngày đêm đều sáng. Lầu điện Đông Phức trên tầng trên đài có toàn thân Phật thứ hai trong kiếp Tịnh Tú và tháp bảy báu có một ngàn ba trăm bậc, sáu mươi tư góc, ngọc trắng làm đài. Trong tháp có tượng Phật nhập Niết-bàn, tám bộ thị vệ. Kế dưới mới có thân vàng đi nhiễu tháp, bốn bên có tám muôn đài quán vàng, trong có hóa Phật hay nói pháp. Trên tháp có đại bảo châu chứa như hình voi trắng, trên có tượng Bồ-tát Phổ Hiền. Phật diệt độ rồi sáu năm vào hang Kim Cương.

Tầng thứ hai có sen vàng ngàn cánh, trên mỗi cánh đều có mười sáu kim quán, trong quán có nhiều Bồ-tát Phổ Hiền, giữa tâm hoa có Phật lô-xá-na ở trong đó nói kinh Hoa Nghiêm một trăm muôn bài kệ là nói độ thứ tư. Lại có một người nước Chấn Đán này ở thời Phật Ca-diếp viết tạng đại tỳ-ni và tạng Tu-đa-la. Tu-đa-la giấy bạc chữ vàng, tỳ-ni giấy vàng chữ bạc. Nơi viết kinh này, nay là chùa Đại Minh ở kinh châu. Khi hoa sen ở trong đài Đông nam, luật ở lá trên trong đài Tây nam trang nghiêm cúng dường chẳng thể nói hết. Trăm ức bốn thiên hạ văn tự đồng với đây, người này thừa một. Tuy hạng Chung Trương

Vương nha chưa đủ so sánh. Khi Như Lai còn sống, bậc Thánh các nước cùng đến, nếu văn tự (chữ nghĩa) cùng đồng với Phật, phần nhiều lấy kinh này mà chỉ bày Phật, diệt độ rồi Văn-thù thâu đem vào hang kim cương trong núi thanh lương.

Trong từng thứ ba có biển bảy báu. Biển có mười sáu ức rồng vàng đều ngâm một hoa sen báu to. Trên hoa làm bằng vàng và bạc. Trong một đài có Phật quá khứ nói sách tỳ ni, có ba mươi tám ngàn người thứ trăm tứ thiên hạ đồng đây mới là sách bậc nhất. Trong mỗi mỗi đài đều có châu chúa ma ni dùng làm đèn sáng. Mỗi khi có người đến thọ giới nói tướng chẳng đồng của giới luật chư Phật quá khứ có tướng chẳng đồng. Lại nói pháp môn trì giới Bồ-tát các người thọ giới nghe được liền phát sơ địa. Phật diệt độ rồi Ca-diếp liền đem đến hang tu la trong núi lang tích. Khi Di-lặc ra đời bèn đem về chỗ cũ an trí như trước. Đây là kim cương tuệ Bồ-tát thời Phật thứ ba trong kiếp tinh tú mà tạo ra.

Tầng thứ bốn có mười sáu tháp ngưu đầu chiên đàn mỗi mỗi tháp đều có một ngàn ba trăm bậc, trong tháp có nhiều tượng thích ca thành đạo chuyển pháp luân, trên mỗi mỗi tháp đều có bảy báu nạm che bốn góc, có chuông vàng lớn khi kêu nghe cả tiểu thế giới. Trong tiếng nói nhiều về công đức tạo tháp. Phật thành đạo rồi mười lăm khiến Di-lặc Bồ-tát đem Ca-diếp Bồ-tát đến núi Do-càn-đà hái thượng đàn hương mà tạo ra. Khi Phật diệt độ thì long vương đem về biển.

Tầng thứ năm có tượng thích ca hóa anh sen Ca-diếp, là do kỳ bà đồng tử thỉnh người thợ trời đạo lợi mài ngọc làm ra. Sau khi Như Lai diệt độ thì tỳ Sa-môn vương đem về ở bắc thiên cung.

Phức điện tây đài năm tầng, ở tầng trên có châu đại ma ni sáu góc, như hình tháp xá lợi nước này. Mặt có một cửa đài bạch ngọc ba lớp lương mã não làm ra. Châu này chư Phật quá khứ từng ở trong đó nói kinh pháp hoa, ba biển tịnh độ tùy chỗ kinh đủ hiện trong đó mà người không thấy. Văn-thù dùng thần lực phương tiện mở tháp. Tây đài cũng thế. Tứ Thiên vương tạo pha lê mà nào hai nước làm thành. Từ trên đến đây kể các công đức đài là tịnh nghiệp của chư Phật làm ra, tùy cơ lợi kiến các thứ hóa đạo, biết các tịnh độ sao có thể đủ tưng cực tư tâm chung tại thời nhật? Cho nên tùy chỗ thấy nghe lược thuật ba, năm... sự tướng các viện lệ cũng đồng cho nên tổng có khuyết. Tôi nghe trời người rừ tích phương nam con thứ ba của Thiên vương là tướng hưng soạn thuật kỳ viên đồ kinh gồm một trăm quyển. Ở trên đời có luận này sinh ra cũng gọi Phiền, người này chẳng có luân đại phương. Trời người nói do con thứ sáu của thiên chủ phương Bắc tạo ra. Lập tinh xá ký có

hơn năm trăm quyển, cũng ở cõi trời ấy. Cho nên biết chư Phật lập hóa rất có nguyên do hình đã trái tục, ở khác ấp nước. Cho nên lập riêng chùa chiến sợ là nhà người thường. Nghi tượng kỳ lạ đông phàm tâm khi thấy, đến nỗi khiến Khuynh Tấn Thức trở về dấu vết đáng tin, thấy tức hình hiệu tân đồ có kỳ lạ.

Ở cực Bắc lầu các cao ba tầng lại cao hơn điện trước, tô điểm đẹp đẽ rực rỡ khoảng không, ba điện các thứ lớp chói sáng, nhìn mút mắt về phương Bắc không phải do người mưu tính đều là hình tượng của cổ tiên có được, đều bày tòa báu đẹp để phi thường. Như Lai tùy thời nhóm chúng mà ở, cho nên hai mươi lăm năm thường ở không dời. Đến hạ thì ở trong các lầu gác trong kinh nói lầu gác giảng đường tức là chỗ đó. Hoặc lên xuống cơ chuyển đổi duyên bất định hằng chuẩn. Trong gác chỉ có các tòa mà không có hình tượng khác, việc trang nghiêm như thường nói.

Ở phía Bắc, tường rào bốn mặt, đều có hành lang vẽ vời đẹp để trang nghiêm không hề thiếu sót, hai kho đông tây ở hai góc tường.

Gác nhiều tầng đông tây có lầu báu lớn, do đại Phạm Vương tạo ra, cùng gác phò nhau tức thì hoa nở. Trang sức điêu khắc thợ trời làm, không phải thợ người nên không thể nói hết. Lầu phía Tây có hành lang liền với trùng gác, khắc chạm văn vẽ không phải ở đây.

Lầu báu gác Tây do thiên đế tạo ra, cao rộng hoa lệ, cao rộng đồng với các đông phạm, hành lang liền gác như trước chẳng khác. Viện lớn cửa nam ở phía Đông có đàn do đại Phạm Vương tạo ra phía Tây đối ao vuông gọi là giới đàn. Tỳ-kheo Lôu chí thỉnh Phật lập ra trước muốn kết giới liền nhóm họp chư Phật mười phương. Đến giờ có tám trăm ức vị đồng tên Thích-ca, chư Phật mười phương đồng tên cũng thế, sáng lập ra giới đàn. Đàn đã thành rồi chư Phật lên đó cùng luận giới pháp. Đàn ấy đẹp đẽ thế gian không có được, hình dạng như núi Tu-di bên mặt khám hang đều để tượng thần, luôn có thiên thần cung kính giữ gìn. Bốn bên hoa rừng các tướng khó biết chỉ có Phật mới lên, người không dám lên.

Cửa Tây, trong có đàn do ma vương tạo ra, trang sức đẹp đẽ cũng bằng ở phương Đông. Trước khi độ ni sợ diệt chánh pháp, bèn nhóm họp chư Phật lên đàn luận bàn nghĩa lý, trăm lần bàn có bốn bộ. Cho nên hai đàn này chỉ có Phật làm việc.

Từ trên đến đây đều nói Phật viện, nhà cửa, đàn ao, lầu quán, điện gác, ngoài ra đều nêu hoa cây kỳ lạ bốn mùa đều xinh tươi. Đất như gương sạch không chút ô uế. Cho nên người đến chỉ nghe thơm tho

thanh tịnh, bèn y theo đó mà gọi là đạo tràng. Y cảnh lập tên chẳng luống uổng. Phía Đông, Tây, Bắc Phật viện mở cửa thông với đường lớn, đường lớn ba phương cây rừng tám hàng, giao che cành lá, sáng tối chẳng thấy. Chúng tăng ở trước Phật đi nhiều bên trái làm thường, đông hồi bắc chuyển là thường của trời. Trên đất đằng chuyển, y cứ có thể biết.

Kế nói Tăng viện, ba phương quanh Phật mấy lớp nhà cửa, trên dưới trước mở, sau mở, trong phòng chỉ bày giường nằm, mền gối chưa có, từ tây làm tên, đều gọi là chúng đạo phòng, có chín gian hai lớp ba ngăn, là chỗ Bồ-tát phương khác ở, không phải chỗ ở của người phàm. Phòng phía Bắc có hai lớp một ngăn, đó là chỗ ở của đại Ca-diếp và Xá-lợi-phất. Kế bắc một phòng đồng lớp ngăn trên là chỗ ở của Ưu-bà-ly. Kế bắc một phòng là chỗ ở của ba vị La-hầu-la, Phú-lâu-la và Mục-kiền-liên.

Kế bắc một phòng là A-la-châu lợi ở. Đi hết về Tây, quay đông đi bắc các phòng nửa bên tây là chỗ ở của người Vô học, nửa bên đông là chỗ ở của người chứng quả thứ ba. Quay về Nam sang Đông các phòng thì phía Nam là chỗ ở cho các phàm tăng ở phương xa, phía Bắc là chỗ của nội phàm và ngoại phàm, tăng đến đây thì hết các phòng chung quanh Phật.

Tăng phòng ở ngoài viện ba lớp, ngỏ lớn thông suốt vô ngại, hai bên mở cửa. Bên nam thông ra đường giữa, ba cửa rộng mở hai bên ảnh nước đi song song cũng trồng các kỳ hoa dị thảo giao bóng nhau. Hai cửa Đông, Tây đều có ngõ viện. Bốn mặt đều có tường rào bao quanh, cả hai không liền nhau.

Phía trái viện cửa Đông tự chia ra năm viện. Đầu Nam ngõ Nam lại chia ra hai viện. Tây gọi là Trì luật, đông gọi là Giới đàn luật viện, ba cửa chẳng mở, trong có đại đường. Các luật sư của luật bộ phần nhiều đều nhóm họp trong đó. Phòng vây quanh ba lớp các chúng trì luật ở đó học hỏi, có chuông đồng ba tầng nặng vạn cân do bốn vị vua cùng tạo muốn nhóm họp Thánh chúng trong cõi Đại thiên, Mục-liên dùng năng lực thần thông đánh chuông. Đài cao bảy trượng hình dáng chuông như đất Hán, bốn mặt có nhiều hình tượng nhật nguyệt, các sao, núi sông, biển cả. Lại có hình các cân và thước đo v.v... Bốn chúng thường nhóm họp, phàm tăng đánh thì cũng nghe khắp cõi Tam thiên. Nhưng Mục-liên đánh thì tùy lập việc làm mà biết, phàm phu đánh thì chỉ tùy lập việc làm mà biết, phàm phu đánh thì chỉ nghe tiếng mà thôi.

Kế đông viên giới đàn có ba cửa giống như tướng viện, trước lập

giới đàn, nửa Phật viện khi mới sáng lập thì có trăm ức vị Phật đồng tên Thích-ca chư Phật mười phương đồng tên. Thêm nêu hoa cây khắp nơi, rãnh nước chảy về Nam mà ra hạp ngoài rãnh lớn, mỗi khi có người thọ giới đến đàn này. Nhưng giới cụ túc này, Thánh đạo nhân nền tảng đến việc làm chế lưu mà thôi. Nay kể duyên xưa biết chỗ làm trọng. Xưa, Phật Minh Vương thân cao năm trượng lập giới đàn, pháp chế lấy đủ năm chỗ làm nền tảng biểu thị cho năm phần pháp thân.

Thích-ca Như Lai bảo rằng: Chúng sinh cõi Ta-bà thấy nhỏ nghe nhỏ sợ lớn khó thành, hoặc khởi mệt mỏi cho nên giảm, trở thành hai khủy tay rưỡi, chế ba lớp biểu thị cho ba không, dưới để xá-lợi-phất trong tâm đàn. Lúc đó, trời Đế-thích ở trên xá lợi che thêm hình phủ, Thiên vương Đại phạm dùng châu vô giá che trên phủ để cúng dường xá lợi. Nay vì ở trước đàn ba lớp che trên phủ châu, biểu thị năm phần pháp thân. Do đó lượng chế đồng với Ca-diếp hai khủy tay rưỡi. Phía dưới tướng lượng đàn ấy hai tầng ở bốn góc đều để trụ đá có tượng tứ vương. Ở góc từng dưới cao hơn Phật một chỗ không được quá, quá thì đất nứt, chế tâm chuyên nhất, cho nên chỉ một khủy.

Ở tầng thứ hai cao hơn Phật một khủy tay rưỡi, đồng khi vua chuyển luân quán đánh ngời trên đàn khiến các tiểu vương lấy nước bốn biển chế trên đầu đại vương mà lên ngôi. Tức giống Tỳ-kheo mới lên đàn này nối ngôi vị Phật, khiến pháp lâu bền, như Phật đương thời lấy lượng khủy tay Phật là muốn cho Tỳ-kheo giữ giới như kim cương. Giới đàn ấy bền chắc, trải qua nhiều kiếp chẳng hư hoại, việc đồng như kim cương, cho nên dùng chỗ làm lượng. Hai lớp đàn ấy đều để người mới thọ giới dùng giới tự phòng, kế trừ phiền não, như chim nuốt rỗng nên để tượng này. Tầng dưới hai lớp là tòa Tu di, đều sắc đạo dùng bực cấp che nhau, phải bốn mặt chia khám đặt tượng thần. Dưới trụ trong câu lan sư tử tướng thần vương nào viên, hình trạng nào chạm khắc cũng đều vô cùng trang nghiêm. Trên lớp thứ ba chỉ cao hai tấc, dùng biểu thị hai đế. Ở bốn góc tòa đều để sư tử, trên lưng có chín lỗ để giăng màn, hai tầng dưới trụ bốn bên thêm đường đều có. Tầng trên ba mặt đều lập hai bậc, mặt Bắc một bậc, tầng dưới mặt Nam hai bậc, mặt Đông, Tây, Bắc mỗi mặt đều một bậc, bậc có ba khám, chung quanh ngoài đàn một trượng, trong trồng hoa cỏ bốn mùa, ngoài cũng trồng hoa cỏ tám hàng. Bảo châu của Phạm Vương lớn năm thặng. Người phước đức thì thấy ánh sáng chiếu trăm do-tuần, người phước mỏng thì thấy như đồng đen. Khi Phật nhập Niết-bàn thì châu tự ẩn mất. Khi Ca-diếp kiết tập thì châu này lại hiện ra, A-nan diệt độ thì cũng biến mất.

Để thích hai châu kết pháp đã xong, liền ở trong vườn hoan hỷ trên cõi trời mà cúng dường Bát-nhã.

Khi mới lập giới đàn, mỗi khi có pháp sự thì nói di giáo, ở đầu Tây nam đặt tòa mà nói. Kế nói nghi lên đàn hành phục. Trước hết mười thầy y vị chánh nghi trải chiếu đi chân không. Từ tầng dưới thêm đông, giai thượng đông xuất, Bắc chuyển hồi Nam, đông nhiều quanh hai vòng, xong phải lễ Phật ba lạy mà vận tướng thỉnh chư Phật hiện tại ở mười phương và các đại Bồ-tát, La-hán Thánh tăng, giáng lâm đến đàn. Tám bộ trời rồng đầy khắp trên hư không. Lại thỉnh Thượng tọa hiện tại làm pháp thọ giới, một gọi là Đâu-điền-na, hai gọi là Lâu-chí, ba gọi là Mã-lan-na đều là Bồ-tát Tỳ-kheo nguyện thỉnh Phật lập giới đàn kiết giới thọ giới, nay đều thỉnh Phật giáng lâm. Mười thầy liền đi, lấy mặt Nam tăng trên thêm Tây mà lên, đông chuyển bắc hồi, đi quanh Phật một vòng rồi, để ba Thượng tọa ngồi ở dưới, người muốn thọ giới phải nghe di giáo.

Duy-na ở tầng dưới đầu đường thêm Đông, đứng mặt quay về Tây. Oai nghi sư tăng thượng, đông giai hạ liệt, hướng tây giai đạo lên tầng dưới rồi liền trở về đông, mặt quay về bắc, mà lạy Phật ba lạy, quì nghe kinh xong, lấy thêm đông liền đi tiếng túc mà xuống, ra đứng ngoài giới đàn. Sau đó, duy-na mỗi mỗi lạy vào đến hỏi giá xứ, chính ở thêm Đông đứng quay mặt về Bắc. Oai nghi sư từ trên thêm đông tiếp túc mà xuống, hỏi giá nạn xong thì từ tầng dưới thêm Đông lên Tây về, từ tầng trên thêm Tây đông mà về. Phải ở trước Phật lễ ba lễ, xong thì quay đông về bắc, đến yết-ma trước sư vấn hòa xong, liền gọi người thọ giới lên đàn đúng như pháp của oai nghi sư, ở trước ba Thượng tọa lễ xong, kế lễ mười sư, mỗi vị đều ba lạy. Lễ bài oai nghi đã dạy, xin giới yết ma bạch hòa vấn giá là nạn, bạch tứ thọ giới đã xong. Kế quỳ theo mặt Đông. Các người khác đã thọ xong rồi thì đến quì trước Phật nghe lại di giáo xong liền lập tu oai nghi, sử dụng y bát đứng đợi nghe chỉ dạy.

Mười vị sư từ Tây ngó về thêm bắc, xuống nam ra đông, về chánh bắc. Ở trước Phật lễ ba lạy xong, người mới thọ giới từ Đông quay mặt xuống thêm, ra hướng Bắc đi nhiều đàn, đến mặt nam tầng dưới thêm Tây mà xuống về Đông, ngó về Bắc mà lạy Phật. Mười vị sư mới từ tầng dưới thêm đông xuống, đi giày ra phía Nam. Người mới thọ giới đi theo sau, ở khoảng rừng hoa mới bảo người thọ đến trước, mười vị sư theo sau về chỗ nghỉ.

Trong viện Giới Đàn có đài chuông lớn cao sáu thước, trên có

chuông Thánh nặng muôn cân, như hình núi Tu-di. Trên bồi lập ngàn tượng Luân vương, ngàn người con Luân mỗi vị đều có bốn mặt, đều có một đại ma ni bảo châu, lớn bằng ba thặng để trong bụng chuông, chân có tượng rồng nằm cuộn, miệng rồng phun nước tám công đức. Có người đến thọ giới, khi sắp thọ thì đến chỗ chuông, bốn mặt chín rồng phun nước tưới các vị tăng, như đảnh sinh nhận ngôi Chuyển luân, có tượng chuông quán đảnh nay khiến người thọ giới mới thọ pháp vương chẳng lống bày. Lại châu ma-ni của Phạm Vương, chiếu sáng người thọ giới. Khi ánh sáng chạm thân thì mát mẻ, vui sướng khiến giới châu sáng sạch như bảo châu ma-ni chẳng dính, ở trước chuông lớn do Luân vương tạo ra từ kiếp Sơ, bậc Thánh thọ giới khiến được thần thông, đánh chuông tiếng vang khắp cõi Tam thiên, tất cả bậc Thánh nghe đều chứng quả.

Người ở đường ác nghe rồi thì biết trí tức mạng. Tỳ-kheo phạm phu thọ giới thì khiến Tỳ-kheo Ma-đề đánh. Lực sĩ trong loài người đánh thì tiếng nghe trong Tiểu thiên thế giới. Tùy cõi mà Tỳ-kheo mới thọ giới đều biết nhân duyên tức mạng, các việc thiện ác (biết cả các việc thiện ác đời trước) đều giữ giới cấm như giữ gìn phao nổi. Đài chuông có hình núi Tu-di ở trên ao lớn có chín rồng vàng nằm cuộn hướng lên. Một rồng có chín đầu, ở trên các đầu đặt giá vàng báu, ngàn vàng rường cột, toàn là các ngôi quý danh tiếng, pha lê chiếu sáng tâm mắt. Người mới thọ giới khi lên đàn thì đài liền chuyển, miệng các rồng đều phun hương, trên hai chân miệng rồng phun mây thơm tạo lọng màu vàng rồng che trên đài. Bảo châu Ma-ni phát ra ánh sáng rực rỡ lại nhiều quanh giới đàn. Trên có nhạc trời khen ngợi trì giới, che chở giữ gìn các công đức. Đài và rồng ấy do La-hộ a-tu-la tạo ra, ngôi pha-lê là do trời Đế Thích tạo, dưới đất là rồng Hòa-tu-cát tạo. Bốn mặt ao, bạch ngọc xếp thành thêm, dưới đáy có cát bạc, nước ao do đại tướng tán chỉ làm cho màu nước trong ngọt như sữa chẳng khác.

Các người giữ giới bị bệnh uống vào liền hết, kẻ phá giới uống vào như nuốt hoàn sắt nóng. Phật sắp Niết-bàn thì nước khô cạn, ngôi bay đi mất. Phật diệt độ rồi thì cúng dường xá-lợi, qua một ngày mới trà-tỳ xong, trong ngày đó phân chia xá-lợi. Đến Kỳ-hoàn hồi việc, trải mười ba ngày kiết tập ba tạng, mới đến Vương thành, khi kiết tập thì ngài Ca-diếp nhóm họp tăng. Tăng khiến Mục-liên đánh chuông nhóm họp chúng tăng phạm Thánh trong bốn thiên hạ, liền bạch bốn yết-ma mà phạt Tân-đầu-lô và A-nan rồi khiến A-nan lên tòa cao, khoác y vải thô tăng-già-lê của Như Lai. A-nan nhận lời, trước đọc di giáo như Phật

đã ước sắc các đại Bồ-tát, đại A-la-hán, tất cả Tỳ-kheo, tám bộ trời rồng thấy đều than khóc.

Tôn giả Đại Ca-diếp đứng dậy, đắp y vải thô tăng-già-lê, cầm ni sư đàn đến trước tòa cao trải ni-sư-đàm ra lễ A-nan xong, lại dùng lọng báu che trên A-nan, thiên chủ Đế-thích dâng bảy báu để trước A-nan, ma vương ba tuần cầm phát trần bảy báu trao cho A-nan. Ma vương, Đế-thích đứng hầu hai bên. Tứ Thiên vương nâng bốn chân tòa cao, ba mươi hai vị sứ ở sau Ca-diếp quì xuống mà đợi đại Ca-diếp lễ A-nan xong, bèn đi nhiều bên phải ba vòng xong đến trước thăm hỏi như Phật không khác. Lại hỏi A-nan: Ông theo Như Lai hơn hai mươi năm. Thế tôn đã chế ra tỳ-ni giáo môn trước ở đâu. Nếu khi Bồ-tát phải dùng thể nào mà tính dài ngắn. Khi nói giới phải làm phương pháp nào. Trước hết, đệ tử sư tăng thọ giới nếu lên đàn thì trước hết ở giới đàn phải nhóm chúng, cao thấp rộng hẹp, y lúc nào theo lượng khủy tay có để xá-lợi chẳng? bốn mặt chung quanh dùng vật gì để xếp, có mấy đường thêm đi nhiều đàn, bốn mặt làm hình tượng gì, trong nước không có đất được dùng cát chẳng?

Già-lam viện vũ thì theo phương nào thọ giới thì mấy vị tăng được thọ. Trong thời mạng pháp không có tăng thanh tịnh, người mới thọ giới nếu vì thọ giới cụ túc Tỳ-kheo ni, trước không có ni chúng thì Tỳ-kheo được chẳng. Như thế thứ lớp có ba ngàn câu hỏi, A-nan đứng như câu hỏi mà đáp. Đầu tiên, mới thành đạo ở vườn Nai mà độ năm câu luân, liền nói pháp mà đáp giới đàn trước nhóm họp Phật. Trong chi Phật hỏi các Phật xưa nay dùng phương pháp nào dạy các Tỳ-kheo. Bồ-tát lên đàn dùng cái gì làm thể lên đàn như trên. Xưa khi chư Phật Bồ-tát thì kim cương làm thể. Tỳ-kheo dùng nước thơm, muốn cho người trì giới tâm như trí kim cương, mỗi thứ đều chọn lựa, khiến dứt hết phiền não các giác.

Cho nên tướng thể phải dùng đàn và các cây thơm mà làm báu trong ngoài. Tre trúc ở giữa rỗng nên không làm. Lại chẳng được vẽ màu và sơn làm tổn vẽ đẹp của các sinh ca, phải dùng hòm sạch mà đựng đầy, thể dài nhất bằng một gang tay rưỡi của Phật, ngắn nhất thì bằng một gang tay. Trước khi nói giới phải chấp tay đối mặt mà sám hối, duy na sai một Tỳ-kheo khác quì nghe. Như đối pháp Phật trước đã tụng rồi, duy na mới lập các thứ nói giới, trước phải rửa chân, nước thơm rưới đất, chớ gây ra tiếng động. Sau mới đưa thể đến trước các Thượng tọa, Thượng tọa đã nhận rồi thì Duy-na rưới nước, Thượng tọa rửa thể thì trước dùng nước sạch, kế dùng nước thơm, khăn sạch lau khô, chớ để

cho có tiếng động hoặc rơi xuống đất.

Cho nên khi nói giới Tỳ-kheo phải yên lặng không được nói bậy. Phải nghĩ thế gian vô thường, phải sớm ra khỏi sinh tử, Duy-na cầm thẻ đến mời đánh kiền-chùy gọi tên sa-di vào cho tụng năm đức mười lần, tụng xong mới xướng bạch như thường, hoặc tụng bài tựa giới. Xong rồi gọi tên sa-di ra. Y theo pháp tụng giới xong, Duy-na lại sai kinh sư tụng Di giáo xong mới tan.

Lại đáp: Người thọ giới đầu tiên là thiện lai lộc uyển, năm câu luân ở trong vườn Nai bạch bốn lần yết ma. Ở trong tinh xá Trúc viên Ca-lan-đà vì Tỳ-kheo Nan-đề nước câu-diêm-di. Có một Tỳ-kheo phạm tội trọng ở trong số mười vị tăng. Nạn đề thọ rồi, bạch Phật là có đức giới chẳng? Phật hỏi sa-di khi chừa thọ giới có biết người ấy phạm tội trọng chẳng.

Đáp là biết, Phật nói biết thì chẳng đức giới, chẳng biết thì đức giới. Phật vì Nan-đề ở giới đàn Kỳ-hoàn nhóm họp tăng mà cho thọ lại.

Lại đáp: Giới tháp thì đất và cát đều được làm.

Lại đáp: Ni thọ trước không có ni thì riêng tăng được thọ. Nếu sau có ni đến thì tiến hai bộ tăng lại phải thọ lại, tăng ni đủ số lìa nghi thấy nghe, thì được sung dụng, như thế thứ lớp A-nan đáp xong.

Nước ao lại tuôn ra màu trắng như sữa, nhưng mất vị sữa, để biểu thị Phật pháp, chánh pháp bị suy yếu dần dần nhạt nhẽo.

Như trong kinh Niết-bàn như thí dụ nước sữa kết tập đều xong. Đài chuông báu bay lên cõi trời Đâu-suất. Bốn bờ ao chất ngọc, đáy cát bạc, long vương thâu đi thì nước liền khô.

Kế viện ngõ Bắc lại chia làm hai, Tây gọi là luận viện. Luận và luận sư đều ở trong đó, bên trong có đại đường (nhà lớn), phòng ốc chung quanh ba mặt mở cửa, chỉ có hướng Tây là đóng. Có một chuông đồng hình như eo trống, do càn-thát-bà vương tạo ra. Trên có Phạm vương Đế thích, ma vương, Tứ thiên. Long vương Ta-kiệt-la, cung điện a-tu-la, bộ vi nam nữ... các tượng. Nếu các ngoại đạo di học đến hệ luận, thì khiến các bậc vô học thần thông ra hệ luận, tiếng nghe khắp thế giới Tam thiên. Các người luận nghi muốn chống cãi thì các Thanh văn lặng yên không nói. Có người tâm tốt muốn nghe để giải nghi thì nghe tiếng, đàn tuệ liền mở. Bồ-tát mạnh động thần trí không lui sụt.

Kế là viện đông gọi là viện Tu-đa-la, cửa mở về Tây bắc, trong có có ba lớp gác cao, các phòng bao quanh. Ao sen rãnh nước chảy, rừng cây giao bóng. Kinh bộ kinh sư đều ở trong đó. Có một chuông

đá như hình đất hán, bằng bích ngọc xanh cõi trời ba mươi ba. Bốn mặt có vàng bạc ẩn hiện. Hai mặt Đông, Tây có đại bảo châu lớn năm thăng để trong bụng chuông. Tám góc phân diêu đồ hoặc hình hoa ở chung quanh làm tượng chư Phật mười phương mới thành đạo, đến khi mặt trời mọc thì chư Phật trên chuông đều nói mười hai bộ kinh. Trong thành xá-vệ, đồng nam đồng nữ đều đến nghe, nghe xong thì thành quả Thánh. Người phạm dục thì chẳng nghe dạy, mỗi khi đến nói, đại tướng ma-ni dùng chày kim cương đánh, tiếng vang cả trăm ức thế giới. Bảo châu chiếu sáng khắp mười phương. Trong ánh sáng có trăm ngàn Đức Thích-ca nói tu-đa-la. Chuông này do Phật Câu-lâu-tần tạo ra. Phật ấy diệt độ rồi thì long vương Ta-kiệt-la đem đi. Phật Thích-ca ra đời thì long vương lại đem đến. Lại khi Phật sắp mất thì ánh sáng châu nói rằng: Thích ca Như Lai ba tháng nữa sẽ nhập Niết-bàn, các trời nghe đều than khóc, rồng lại đem đi.

Kế bắc viện lớn gọi là viện Tẩy y, mở một cửa nam, trong đó có đại đường, phòng quay quanh ba lớp, có ao tròn đá vuông do trời tạo ra. Rừng hoa giao nhau thơm tho đầy đủ. Phật vui giặt áo, trời người đồng nhóm họp. Thích-đề Hoàn-nhân làm một bộ thiên nhạc. Nếu Phật chẳng đến thì tiếng nhạc chỉ nói vô thường, khổ, không. Nếu Phật đến thì Càn-thát-bà vương tự đến đánh trống, sáu thời tấu nhạc như lúc đầu chẳng dứt. Khi Phật Niết-bàn rồi thì Ta-kiệt-la long vương thu về đem vào cung cúng dường kinh điển. Nhạc này có hơn ba ngàn nhạc khí do va lâu la vương tạo ra.

Kế là bắc viện lớn, gọi là chỗ Phật kinh hành. Mở một cửa Nam, trong có điện đường. Hai cột châu trước do trời Đế-thích làm ra, ngày đêm thường chiếu sáng. Góc cao chỗ kỳ hoa dị thảo, hơn hẳn các viện trước, có hai bộ nhạc trời do Đế-thích tạo ra. Nhạc khí làm toàn bằng bảy báu, hình dáng hơn nhạc trước. Các thiên đồng sáu thời thường đánh trống có hơn ba muôn nhạc khí, khi chưa tấu thì các âm nhạc thường nói sáu hạnh Ba-la-mật. Lại nói công đức trì giới khen ngợi người vâng giữ. Trong thành Xá-vệ, người căn chẳng đủ nghe tiếng nhạc rồi thì liền đủ, người phá giới nghe tiếng nhạc thì buồn khóc, phát lộ mà giới căn lại sinh. Khi Ca-diếp lên đàn đuổi hai Thánh, A-nan lên tòa rồi thì các vị trời đồng đến tấu nhạc này. Trong tiếng nói về chư Phật quá khứ làm pháp tỷ ni, và nói Thích-ca Như Lai dạy các đệ tử hành trì giới luật. Tám bộ trời rồng nghe tiếng nhạc đều than khóc. Đến khi kiết tập xong thì trời Đâu-suất đem nhạc về trời để tại chỗ Phật Di-lặc.

Kế viện Bắc, gọi là viện Phật y phục. Điện đường phòng ốc như

trên. Mở cửa ngõ nam. A-nan nghỉ trong đó, thường giữ gìn y Phật. Có một khánh đồng sức chứa năm thăng. Bốn bên khánh đều đúc bằng vàng ròng, bởi đệ tử Phật quá khứ. Lại trên mũi dùi vàng tử ma làm hình chín rồng trên lưng có một vị trời ngồi cầm chày ngọc để đánh khánh. Nghe khắp cõi Tam thiên. Trong tiếng nói cũng nói chư Phật dạy pháp khuyên răn đệ tử, khánh do Phạm Vương tạo ra. Khi Phật diệt độ thì long vương Ta-kiệt-la đem về biển.

Phía đông Phật viện tự chia làm sáu sở, các viện dưới mở cửa về ngã Nam. Trong ngõ có cây hoa như trên đã nói. Viện ở đầu đông gọi là viện Vi-đà. Ngoại đạo đồng tông xem là cực giáo, có khi Phật cho Tỳ-kheo đọc để hàng phục ngoại đạo. Trong đều có góc. Các văn Vi-đà của bốn thiên hạ đều chứa trong đó. Viện có chiếc trống nhỏ bằng bảy báu. Nếu có Tỳ-kheo muốn đọc sách Vi-đà thì trống liền tự kêu. Người trong Tăng-già-lam đều cầm luân xỉ mở viện. Trống này do thợ ở thành Vương xá tạo ra.

Kế viện thứ hai ở phía Tây gọi là thư viện, các văn thư khác nhau trong cả cõi Đại thiên đều nhóm họp trong đó, có lầu gác nhiều tầng để các sách vở. Phật khai cho đọc, chẳng theo chỗ thấy đó để hàng phục thế tục. Trong đó có chiếc trống bạc, người đá đội trên đầu. Nếu có người muốn vào viện thì người đó giơ tay lên đánh trống. Người trong Tăng-già-lam liền đến mở cửa. Tiếng trống như tiếng đàn cầm của người. Tỳ-kheo đọc sách trống đánh chẳng dứt, tự nhiên thấu hiểu. Trống do vua Vô Thí ở châu Phất-ba-đề tạo ra.

Kế viện thứ ba ở phía Tây gọi là viện sách vở âm dương, trăm ức sách vở âm dương trong thiên hạ đều chứa trong đó. Có lúc Phật cho Tỳ-kheo đọc và suy nghĩ về dịch thuật. Có sáu chiếc trống nhỏ, ba vàng ba bạc, hình dáng như bát năm thăng. Có ba nhánh hoa sen để đỡ trống này. Trên trống có tượng Nhật nguyệt thiên tử tay cầm hai chày vàng bạc. Khi có người đến liền đánh, vị tăng như trước nghe tiếng liền mở cửa. Tỳ-kheo đọc sách trống đánh chẳng dứt, liền tự thấu hiểu, chẳng nhọc sức người trao. Trong tiếng trống lại nói về mặt trời, mặt trăng, các sao, cung điện rộng hẹp, độ số các pháp và âm dương dị thuật trong trăm ức thế giới. Trống bạc trắng do Nguyệt thiên tử tạo ra, trống vàng ròng do Nhật thiên tử tạo ra. Khi Phật diệt độ rồi thì bay về viện cũ trên cung trời Đâu-suất.

Khi xưa có trăm ức thế giới Hồn thiên đồ và lậu khắc phép thước, tấc, thăng đấu cùng các thứ cân đong đo đếm như lương ly, nhum thể, nước làm máy móc đều do công của trời, rồng, người cùng tạo ra. Các

Hồn thiên đồ, mặt trời, mặt trăng, các sao đều dùng vàng bạc. Khi Phật diệt độ thì các máy móc này đều rớt xuống đất, trái với thiên văn. Phật diệt độ rồi thì thâu vào cung rồng.

Kế viện thứ bốn ở phía Tây là viện y phương. Bao nhiêu thứ thuốc trong thiên hạ đều có chứa ở đó. Trong phòng có chuông lắc, hình dáng như hạt lúa mạch, sức chứa ba đấu, dùng sư tử vàng làm mũi. Tỳ-kheo vào viện thì chuông kêu cửa mở, chẳng nhọc công người. Tiếng như đàn cầm. Tỳ-kheo nghe thì tự thấu hiểu các nghiệp thông bát. Người thông quả thứ ba trở lên bị bệnh vào viện này nghe tiếng chuông thì hết bệnh. Tăng phạm phu bệnh nghe thì bệnh chẳng hết. Chuông do Kỳ-bà dùng thuốc làm ra. Phật diệt độ rồi Kỳ-bà thâu về giấu đi.

Đương lúc lấy đồng, ba cửa chọn đồng, trừ bắc có châu, châu sáu chỗ cũng đến giang nam núi Ngũ Đầu ở Chấn Đán lấy dùng thuốc hợp thành.

Kế viện thứ năm ở phía Tây gọi là phòng nhà tăng tịnh nhân, mười tám trở lên đến hai mươi trở xuống các con thường ở trong đó, quét sửa các viện sạch thơm, không ở đâu hơn.

Kế viện thứ sáu ở phía Tây gọi là viện Thiên Đồng. Các thiên đồng thường có ba trăm người cúng Phật nên thường ở trong đó. Viện lớn ngõ Tây, cửa Tây tự chia ra sáu viện.

Viện nam thứ nhất mở ra ba cửa Tây, đóng lại gọi là viện Vô Thường. Trong có một nhà lớn chỉ làm bằng bạc trắng. Bốn mặt bạch lang, bạch hoa đầy đủ. Ngày giống xương trắng không đâu chẳng có. Các người sắp vô thường đều đến đây, khiến thấy các tướng vô thường như xương trắng v.v... Đã chết rồi thì từ cửa Nam ra Tây, bức tường lớn ở cửa Tây, tất cả người chết rồi đều đi đường này. Trong viện có tám cái chuông, bốn cái bằng bạc, bốn cái bằng pha-lê, chuông bạc ở bốn góc viện dựng đài mà để.

Chuông pha lê ở bốn góc nhà Vô Thường. Bốn cái chuông bạc đều nặng hơn muôn cân như hình núi Tu-di, chín rồng nằm cuộn quanh đàn. Mũi chuông hướng lên hoa sen bạc, mỗi bên chuông có một người bạc trắng đội não trời, ma-ni bảo vương ở trên đầu cao một trượng hai thước, tay cầm chày bạc. Tỳ-kheo sắp chết, người bạc bốn góc cùng một lúc đánh chuông. Trong tiếng chuông nói pháp chư Phật nhập Niết-bàn. Trời Tha Hóa nghe tiếng chuông này, thiên đồng bạch phước hoa trắng đến dưới cúng dường thầy chết Tỳ-kheo.

Các trời Đâu-suất liền đem mười sáu thứ hoa trời ném xuống viện Tỳ-kheo bệnh ấy nghe tiếng chuông này thì chẳng mất bốn tâm mà

được sinh về cõi trời. Chuông pha lê như hình eo trống. Mũi có một Tỳ-luân vàng ngồi sư tử vàng tay cầm phát trần trắng. Hơi thở của bệnh tăng lớn dần, tỳ luân vàng ấy miệng nói vô thường, khổ, không, vô ngã, tay vẫy phát trần chuông tự kêu. Trong tiếng chuông cũng nói các hạnh vô thường là pháp sinh diệt, sinh diệt hết rồi thì vắng lặng là vui. Bệnh tăng nghe tiếng thì khổ não liền dứt mà được vui mát mẻ, như vào tam thiên mà sinh tịnh độ. Nếu là bậc Đại đức, thì bốn chuông pha-lê lại phát ra ánh sáng rực rỡ, trong ánh sáng nói về sáu độ của Bồ-tát. Người bệnh thấy ánh sáng thì sinh về các nước Phật. Mà tiếng chuông ấy theo thần thức người chết đến chỗ sinh. Cướp ánh sáng nhật nguyệt, che các ánh sáng của trời.

Chuông bạc trên là do Đế-thích tạo ra. Chuông pha-lê là do Nguyên thiên tử tạo ra, tiếng vang đến trăm ức thế giới, khi Phật diệt độ thì hai chuông ấy đều về chỗ cũ. Dự Sư lại nói kế ngỗ Bắc có viện thứ hai gọi là viện Thánh Nhân bịnh phước, cửa mở như trên. Xá-lợi-phất và các bậc đại Thánh bị bệnh thì ở trong đó phòng ốc các thứ đều đầy đủ. Có kho phương thuốc để cung cấp. Chỉ ngại không phải chỗ ở của phàm Thánh.

Kế viện thứ ba ở phía Bắc gọi là Phật bệnh phòng, cửa mở như trên, nhà cửa đều bày, hoa cây hai bên. Kỳ-bà A-nan ở đây hầu hạ. Đại phạm Thiên vương bày ra tám bộ nhạc, mỗi nhạc khí có mười sáu thứ đều dùng vàng, bạc, bảy báu làm ra. Phật vì chúng sinh thị hiện bị bệnh. Phạm các thứ nhạc phát ra tiếng để làm Phật vui. Như Lai nghe tiếng thì bệnh liền dứt. Nếu bệnh chẳng dứt thì tiếng lại tấu khúc sáu độ, thần túc khắp cõi Tam thiên.

Sơ địa, Thập trụ có người hiện bệnh nghe tiếng nhạc thì bệnh liền hết. Như Lai diệt độ rồi mười sáu năm thì nhạc cũng còn trong viện. Quá đây thì Phạm Thiên thu về, nay ở tại cõi sắc.

Kế viện thứ tư ở phía Bắc gọi là tứ Thiên vương hiện Phật thực phòng. Cũng nam bắc đông mở, phòng nhà như trên, cây hoa cũng thế. Tứ thiên Vương, phạm thiên đến hiến thức ăn đều ở trong này, Phật bèn nhận. Phật nhận y của người và thức ăn trời là vì biểu thị cho ruộng phước lớn của trời, người. Cho nên theo thường khát thực. Vì vật mà thọ, không phải Phật ăn các thời thọ nhận đều làm Phật sự, vì dùng hóa thân nên chẳng khác. Cũng có nhà xí của Phật nhưng bày ra để biết mà thôi. Trong bệnh viện cũng có não nhạc, vàng ròng làm lưỡi, do Tứ vương tạo ra. Khi Phật bày thức ăn, Tứ vương từ xa đến dâng thức ăn, não phát ra ánh sáng lấp lánh ánh sáng mặt trời mặt trăng, chiếu xa trăm

ức thế giới. Trong ánh sáng nói về công đức thí thực, bảo Tứ vương rằng ta diệt độ rồi có các đệ tử phá giới, không có giới, không có oai đức, chẳng thể tự sống, ta dùng sợi lông trắng trăm phần diệt một tia sáng, ông cho ba phần ánh sáng cung cấp cho công. Tỳ-kheo đời mạt pháp, Tứ vương vâng chịu như lời Phật dạy, lại dạy Tứ vương rằng: Ta diệt độ rồi nên đem não này vào trong viện, mỗi ngày một lần khua lắc để đệ tử ta dễ được cúng dường. Tứ vương than khóc y theo lời Phật dạy cho đến nay, hằng ngày thường xuống Kỳ-hoàn mà đánh não này, thuận theo lời Phật dạy.

Kế một viện phía Bắc gọi là phòng tắm, ba cửa như trên, các thứ đều đầy đủ, nước nóng nước lạnh vừa ý, vừa hết liền chảy mà vào viện lớn.

Kế là viện thứ sáu ở phía Bắc gọi là nhà xí (nhà vệ sinh) có nhà cao ba tầng, hai cầu ở trên rất thanh tịnh, dưới có hầm phân chất gạch làm lỗ. Tự tay Thiên đế làm ra không có hôi thúi. Rãnh nước lớn từ viện Bắc chảy về Tây Nam, vào nhà xí lại chảy vào lỗ, ra Bắc gặp sông lớn, người không thấy. Tất cả Tỳ-kheo đều tiện lợi ở đó. Tôi nghe nói ở đây rất tốt. Cho nên sông Hoài trở về Nam các chùa cổ đều sạch sẽ. Trong đó trở lên quanh viện nhiều chỗ rất hôi thúi, từng đến thành Bắc ở Tinh châu có nơi rất sạch sẽ lầu đường lên cao cùng loại với Thiên-trúc. Đây thì nhà góc chưa đủ cao, chỉ vì chùa ở nơi bùn lầy không trôi thoát được, lập nhà này không hề hôi thúi, chỉ đặt một chỗ sạch, nói ắt đối trá. Lỗi là do kia, vũ đức các phòng nhiều ít, vắng vẻ há là tôn thượng, sao chẳng lập chu thanh?

Từ trên đến đây Đông Tây đã nói sơ.

Lại chùa đại viện ở bốn góc đều có một viện. Góc Tây bắc, Địa thần Kiên lao nói là nữ thần, bộ thuộc có tám mươi ức, ở cửa lập tượng đại thần.

Thần hỏi Phật rằng: Từ xưa, chư Phật đều có hình tượng quý thần, Thế tôn năm sau diệt độ, sao không dạy làm để hộ trì đệ tử, di pháp, già-lam. Phật liền khiến trời Tịnh cư làm Địa thần Kiên lao Tán chỉ đại tướng, dùng vàng trời làm hình như thần thật. Phật diệt độ rồi hai mươi sáu năm, thì rồng khắc gỗ thay tượng vàng đem về biển lớn. Tượng viện sau cũng như thế.

Góc Đông bắc viện, các tượng long vương làm toàn bằng ngọc bích, trăm ức thiên hạ long bộ vị đều ở đó, do Bà-nhã A-tu-la và đại phạm Thiên vương thứ hai tạo ra.

Ở góc Đông nam là lực sĩ viện bộ của thế giới đại thiên vị có tám

mười ước, Hóa lạc Thiên vương dùng bạc tạo ra. Một trăm bốn mươi muôn bảy báu tạo thành. Bồ-tát Kim Cương Tuệ tạo chùa.

Viện lớn ở bên trái đường lớn phía Đông gọi là viện Cúng Tăng. Đường mở ba dặm trong có mười tám hàng cây. Giữa khoảng hoa cỏ, hai rãnh đông tây nước trong suốt chảy nhanh. Rãnh bên tây từ viện lớn qua các lỗ, từ Đông ra chảy về bắc. Đường lớn này nghiêm sạch xe cộ ít đi. Phía đường nam bắc, hai bên đều có đặt một tượng thần đá, do thần Đất kiên lao tạo ra, tay cầm kích, chân đạp quý, oai nghiêm mạnh mẽ chẳng dám nhìn. Có người tu qua đây mắt ngó xuống đi thật nhanh.

Viện Tịnh trừ (nhà bếp) của Tăng có ba ngôi, bày ra ở Nam bắc. Phật diệt độ rồi mười hai năm sau vì Tỳ-kheo bệnh mà lập ra viện này. Các tỳ-kheo từ bốn viện lớn cửa đông mà ra. Đối cửa có viện tịnh trừ (nhà bếp).

Ngõ Nam nhà bếp, nằm ngang hai viện lớn ở phía nam, trong mở ra một ngõ, bày cửa Nam bắc. Cửa Nam rất lớn đề là cửa Vườn lớn của chùa. Viện cửa tây tự chia nam bắc. Ở giữa hai viện thì mở ngõ. Ở phía Nam, Đông tây lại chia hai sở đều mở một cửa. Một viện bên tây gọi là chỗ xuất gia của các bậc Thánh và các chúng thiên vương. Cửa mở về Đông, có viên đá Bích ngọc lớn rộng một bề một dặm, cao hơn mặt đất hai thước, vàng làm ranh giới theo đường Nam bắc mà bày.

Viện bên Đông gọi là chỗ xuất gia của phàm hạ.

Cửa quay về Đông, đương khi xuất gia thì Thiên vương cõi trời Dao-lợi đem cung điện trên trời xuống đặt ở hai viện rất trang nghiêm.

Kế viện Bắc gọi là vườn Rau Quả. Hoặc gọi là đất Phật đi kinh hành. Cửa mở về Nam, do vua Ba-tư-nặc tạo. Núi ao rất nhiều, sắp bày khác nhau. Dòng chảy uốn quanh núi rừng vườn cây, thanh tịnh hương thơm đầy đất, Phật thường đi kinh hành qua đây.

Viện ở cửa đông gọi là Vườn tre. Cửa quay về Tây, đối với vườn rau trái. Trúc xanh rau cỏ phân luống trồng thẳng tắp chẳng nói hết.

Phía Đông bắc vườn trúc có một viện gọi là Chỗ cởi áo để ngựa xe. Cửa mở về Bắc thông ra đường lớn. Ấy là chỗ các vua chúa cởi áo để ngựa xe. Nhà vườn liền nhau, tường thấp đều làm bằng đá. Do trời Đế-thích tạo ra.

Hễ có vua đến thì theo đường cửa đông đến viện này mà cởi áo cởi giày, xe ngựa người hầu đều ở đây, sau mới ra phía Tây mà vào chùa.

Kế viện ở phía Tây gọi là viện cởi y phục của vua và phu nhân. Cửa mở về Nam. Phu nhân Mạt-lợi muốn đến lễ Phật trước ở trong đây

sửa sang y phục, sau mới vào đại viện gặp Phật.

Kế trong đại viện ở phía Bắc gọi là viện cúng thức ăn. Tự chia ra hai sở đều nằm ngang, trước có ba cửa lớn.

Cửa Nam bắc vào nhà bếp có ngăn một bức tường lớn, ở giữa mở hai cửa thông với ba chỗ. Ở giữa viện chỉ nhận trời cúng, trong lập đại đường vuông vức Đông tây rất rộng có viện đại công đức, các trời vợi xuống cúng dường thức ăn. Nhà lớn phía Bắc có hai giếng lớn, Đông tây đá xanh làm thành giếng, phun nước không cạn. Đông là của Phạm Vương, tây là của Đế-thích, hễ mở ra thì không bao giờ cạn.

Ở phía Nam viện Tây có một viện nhỏ gọi là Ngưu mã phòng, trong viện phòng này là tịnh nhân ở, khắp ba mặt đều bày phòng mở cửa. Cửa viên mở về hướng Đông nam. Những người làm thức ăn thường ở trong đây. Chỉ là trai tráng mười tám tuổi trở lên sửa soạn khách nghi vào viên bắc mà vào nhà bếp, là phòng làm thức ăn sống thành chín.

Kế Bắc có một Phật đường, đài chuông đều lớn, ấy là phòng thượng tịnh nhân thường lễ sự. Phòng trong viện đông có cối giã gạo và xay bột. Ở nam Tây bắc đều mở cửa. Ngày nào cũng có gạo thóc xay giã ồn ào người vật ở đây rất đông.

Nhà lớn ở Bắc gọi là bếp nấu thức ăn, nằm ngang một nhà rộng nhìn kỹ có ba mươi sáu bếp, bày theo chiều Đông tây, đều làm bằng bạc. Các đồ đựng thức ăn đều là của trời, không phải người có. Một viện bếp Đông cửa mở về nam là kho gạo mì, các thứ đều để trong đó. Ở Đông bắc có một viện nhỏ. Trong đó có phòng của Điển tọa, ban ngày nấu thức ăn duy na ở trước bếp, Điển tọa ở sau bếp. Viện lại có các viên chức không lệ thuộc nhau. Ở cuối ngõ Bắc có viện lớn gọi là chỗ tăng ăn, tự mở ba cửa. Trong cửa ở phía bắc có nhà ăn lớn. Trước nhà trồng cây đối nhau giao bóng mát rượi, có rãnh nước chảy qua rất đẹp, Chư tăng ăn phần nhiều đều ở khu vườn này. Nếu có mưa thì vào nhà, hai bên đều có vườn. Ở phía hữu cửa Bắc viện nam, trên đất nhà bếp có một nhà ăn, hễ nấu xong thì tịnh nhân bưng lên nhà này, mà không vào viện Bắc. Đến giờ thì đi hết lượng tăng trong nhà này, chỉ lấy thức ăn, chẳng hề thấy các đồ đựng, nên có tăng chế nhà bếp phòng ăn, phía Đông nếu không phải tri sự thì không được đến. Đây thì tinh uế cả hai khác nhau đều có đường. Đất sạch để việc chẳng được, cho nên thường để ở phía Đông chùa cách ba dặm. Kết riêng đại giới ở trên gia thêm thời gian, nếu theo kinh giáo Đại Tiểu thừa đều không cho.

Tăng trừ, tịnh trừ nếu có kết là Phật trước có chế, sau bảo bỏ đi, tự có thường thì được an vui. Nhưng làm mà bỏ giáo thì rất đáng sợ.

Sau chùa Vườn Trúc lập nhà bếp cách ba dặm. Trong ba dặm đó hoang sơ gai gổc, có sư tử đen giết các Tỳ-kheo. Phật lại khai giáo, Anan chế hạn đến ba gian, ngõ khai không quyền, không cho ngăn ngại, dùng các đất này có thể chẳng soi gương?

Phía Đông vườn ăn có một viện nhỏ, cửa mở về nam là chỗ tăng tịnh nhân hành thực thường tiểu tiện. Góc Bắc viện Đông có một chỗ tiểu tiện. Nếu đi đại tiện thì ra ngoài viện lớn có chỗ riêng.

Ở bắc viện có kho thuốc là để trị bệnh Tỳ-kheo phàm phu, phía bắc kho có hai viện, viện Tây là chỗ ở của người bệnh là tăng. Viện đông là chỗ đại tiểu tiện. Cho nên phàm tăng bệnh trong chùa đều ở đây.

Ở phía Tây viện ăn lại chia ra hai viện đều chẳng thông nhau. Một viện bên Nam, cửa nam Đông bắc gọi là viện Cởi áo mặc áo. Nhà cửa đầy đủ. Ở Bắc có một viện gọi là Phòng tắm, trong đó có hai nhà lớn. Đông là nhà để áo, Tây là nhà tắm.

Đồ tắm đầy đủ, Nam mở một cửa đối với trước. Khi Phật còn sống đến sau mới lập. Các Tỳ-kheo già không thể khát thực mới vào nhà bếp. Phật là vua pháp thường vào thành khát thực, đi về thường bày thức ăn uống, các thị tùng kia đâu được ngồi yên. Cho nên các Tỳ-kheo già bệnh mỗi ngày khi ăn phải theo cửa Đông lớn của chùa viện đi thứ tự ra phía Bắc đến nhà bếp. Ngõ bắc cửa Tây bắc vào viện Cởi áo, cởi thượng y để trong y nhà này, lại mặc y cũ từ cửa Đông ra mà vào vườn, ăn xong thì ở nhà tắm cởi áo vào tắm, tắm xong thì vào nhà để áo mặc lại mà vào chùa, lễ từ cửa Nam ra. Ngõ Tây cửa Nam vào chùa lớn. Sáng hôm sau thì cởi áo mặc áo cũng giống như thế.

Lại ở đông viện, tịnh nhân tăng nam nữ lớn nhỏ đều ở trong đó cũng có làm ruộng, việc chẳng thể nói hết, để hiển bày pháp làm gốc, tôi chỉ nghe nói mà không thấy các bài văn như kinh đã nói, không thể phù hợp với giới đàn, hễ phòng Thánh tăng có bày khác, nhà cửa tuy rộng mà không có nguyên do riêng, tăng giá đờn trùng có nói rõ duyên khởi lập ra. Nay bản đồ này truyền chủ nguồn gốc thì tìm các Thánh ý để lược biết. Có người chẳng tin, bảo là truyện u minh huyền hoặc đâu đáng kính ngưỡng. Tôi vì huyền mộng ảnh hưởng phàm Thánh cùng đồng, đều là tánh không biết đâu là mục đích tiêu chuẩn. Nhưng phàm tố có thức, hoặc mê mờ nơi chốn, khéo nhờ người dẫn đường có dẫn dẫn.

Hoặc trời hoặc người lời lý đáng theo, không vượt khuôn phép trước, như đáng gửi gắm, làm theo phép phàm bỗng trái với lý thì Thánh

cũng phải vứt bỏ, há có thể hòa theo, đều vô tình hối. Cho nên Phật là bậc đại Thánh, tướng trạng uy nghi, thiện hạ độc tôn. Người có tà kiến kính mà chẳng kính, Phật cũng tùy tánh mặc tình phỉ báng. Như có chỗ nói chẳng trái với pháp, thì Phật cũng nghe mà học theo. Cho nên văn nói chỗ gọi là pháp là Phật nói, trời nói, hóa nhân nói, theo luận này thì u hiển đều bày. Tôi cũng vì nghe sự môn này cũng đồng với trời người mà nói. Sợ phạm chẳng tin lời nói này. Đó nói vì người tin mà cho thì tự nhiên được phước còn người chẳng tin thì mắt thấy kinh Phật còn chẳng thể dùng. Nghe đây chẳng tin đâu đáng can thiệp. Tôi nghe lời ấy chẳng đợi nói. Tôi nghe lời nói này sự tình hác nhiên. Cho nên nêu ra đầy đủ, đều là di chúc, nghĩ trọng câu thỉnh. Kế là chiêm ngưỡng dấu vết bậc Thánh, như là có mặt.

Đời Đường, niên hiệu Càn Phong năm thứ hai, cuối xuân, Cảm thông được xuất bản. Thống tướng các Thánh tích ở Tây vực, đây là điều quán tùy ngũ tùy sơ, vẫn còn ghi chép, sự siêu phạm biểu, chu bật lời tô điểm. May có người gặp biết đại ý này. Tôi thấy các truyện đời trước tổ chức biểu tỵ, rất là đáng xem. Đến thời đại này ít còn. Pháp sư Lâm làm biểu trước sau dám phụ đời sau để làm rùa gương. Mở ngõ mắt xem không mê muội tâm thần há chẳng tốt ư?

Niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ 12 đời Đường, ngày 1 tuần đầu tháng 12 đã ghi xong. Một bản đồ kinh này khen thiên sư trạm dự tự thân, giấy bút gồm công viết bày ra, Viên Trân rất vui mừng vì làm Phật chúng sinh ra đời sau sẽ rất thân, gặp nhau ở tinh xá Kỳ-hoàn, được Kim Dung Mâu-ni trao cho tôn vị.

Nhật bốn, niên hiệu Nguyên Khánh thứ tư ngày 1 tháng 8. Tại chùa Diên Dịch Sa môn Viên Trân ở phường Tổng trì đã ghi đủ.

Từ trên Đại sư Trí Chứng đã ghi

-----//-----

LỜI BẠT VỀ KỲ HOÀN ĐỒ KINH

Nước đại Nhật bản thuần không có một cõi tạp Đại thừa mà hiển qui về tôi ở đây hơn ngàn năm. Chưa từng nghe tin tà tiểu, bởi huyền ký của miệng vàng chẳng uống phí. Do đó gọi là lam đại sát tinh liệt ki bố. Phật nói tổ dạy trắng chiếu núi đứng. Cho nên luật sư đại trí ta trước mở mang kinh này, gọi là dật thư, hiện nay cũng còn. Nhưng cảnh tục khác chẳng biết trời rồng quỷ thần ngầm giúp công đất gỗ. Mà chê ta dùng nhà cửa mà phí tiền bạc tổn hại quốc gia. Do đó hoặc bị trời giết hoặc bị đày, mà thấy kinh này thì khỏi hết các nạn. Nay tôi rất tức giận vì truyền ý nhỏ không. Hoặc nói kinh này là ngụ ngôn quỷ thần mà nói nó rất quý lạ, ai dám dung tha, được gọi thích điển quái thuyết, phạm trong tục hiển triết còn biết tin dùng, hướng chi là hình xí truy lâm lại xem thường thì có thể gọi là chúng sinh khô cảo. Lại ngụ ngôn quỷ thần thì đạo đời mà mở rộng lòng thương xót. Khen là hoàng nhã. Kẻ tín ngưỡng hiểu rõ gọi người nay hổ thẹn với tiên đạt, học tạ với hậu sinh mà vội sinh quá mạn thì không có việc đó. Nhưng nghĩ cũng có vài ba chỗ sai, tuy bản khác hỏi mà chẳng được đĩnh chánh ư?

Ý Tổ khó lường chẳng thể cải tước, cho nên hòa điểm cũng có khi chẳng quyết định, dám kỳ Hậu quận tử nói.

Nhật-bản, niên hiệu thiên hòa năm thứ nhất tháng mười hạ tuần mừng sáu thọ lại, Tỳ-kheo thừa xuân ký thạch, chùa luật thần cung ở Thánh thủy.

Pháp Uyển Châu Lâm quyển năm mươi hai chép: Theo Tuyên luật sư, kỳ hoàn Tự Cảm Thông ký chép:

Kinh luật nói rõ nền chùa Kỳ-hoàn thường có tám mươi khoảnh đất và một trăm hai mươi viện. Y theo chiều đông sang tây có gần mười dặm, từ nam đến bắc hơn bảy trăm bộ.

Lại nói chung bộ, lại nói pháp bộ...

Tổng Cao Tăng Truyện quyển mười bốn chép: có vị trời nói từng soạn kinh kỳ-hoàn đồ, Sao ký hai quyển thượng, hạ.

Lại nói về niên hiệu càn phong thiên thần hạp đạt, hoặc viết Kỳ-hoàn đồ kinh phó chúc nghi lại, chẳng phải ngụ ngôn ở quỷ thần ư? Ông chẳng thấy trong luật thập tụng các Tỳ-kheo còn nói Mục-liên phạm tội nói dối. Phật nói Mục-liên tùy tâm tưởng nói thì không tội. Phật ở đời còn như thế, đời tượng mặt ghen ghét bậc hiền có gì lạ.

Tăng sự nói lược, xét trong Kỳ-hoàn Đồ Kinh tự có sư tử bằng pha-lê, như hình năm tay, miệng nói Diệu Âm. Bồ-tát nghe liền siêu

việt địa vị. Mỗi khi đến mồng 8 tháng chạp. Trong thành Xá-vệ sĩ nữ tranh nhau cầm hương hoa đến nghe pháp âm.

Lại nói, xét pháp linh du sư trong phần tự cáo, có mười tên chùa: 1/ Tự cho đến y Kỳ-hoàn đồ kinh mà giải thích tương đều rất ráo như tự cáo.

Tự trì ký chép: Đồ kinh gần đây Nhật-bản đem đến, vẫn có hai quyển tức Tổ sư soạn ra.

Luật sư Nam sơn soạn tập lục rằng: Kỳ-hoàn Tự Đồ, hai quyển.
Niên hiệu Càn Phong năm thứ hai chế chưa thấy.

Giời Đàn Đồ kinh chép: Tôi soạn Kỳ-hoàn Đồ kinh thượng, hạ hai quyển, sửa lại cho nghe thấu suốt kinh luật, thảo thù các truyện rất có mối manh.

Nghĩa sở sáu thiếp, quyển hai mươi một chép: Tuyên Luật Sư Kỳ Viên Cảm Thông kỹ chép: đất tám mươi khoảnh, đồng tây mười dặm, Tu-đạt lót vàng mà mua... bạch trượng thanh qui, v.v...

Vãng sinh Yếu tập bản thượng chép: tăng bệnh nghe tiếng, khổ não liền trừ, được vui mát mẽ. Như nhập Tam thiên, do đó sinh tịnh độ.